

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Hoàng Thị Ngọc

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Đức Kiên

HẢI PHÒNG - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ,
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH TIẾP VẬN MERCURY VIỆT NAM**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Hoàng Thị Ngọc

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Đức Kiên

HẢI PHÒNG - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Hoàng Thị Ngọc

Mã SV: 1412401046

Lớp : QT1803K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	7
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	3
1.1. Nội dung các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.	3
1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu.....	4
1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu	5
1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	6
1.5: Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh bán hàng và cung cấp dịch vụ	7
1.5.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	7
1.5.2: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	9
1.5.3: Kế toán giá vốn hàng bán	11
1.6 : Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	16
1.6.1. Kế toán chi phí bán hàng	16
1.6.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	17
1.7 : Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính	20
1.7.1: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	20
1.7.2: Kế toán chi phí tài chính.....	22
1.8: Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác.....	23
1.8.1: Kế toán thu nhập khác	23
1.8.2: Kế toán chi phí khác	25
1.9: Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.	27
1.10 : Đặc điểm kế toán doanh thu ,chi phí xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán	29
1.10.1: Hình thức kế toán Nhật ký chung	29
1.10.2: Hình thức nhật ký chứng từ	30
1.10.3: Hình thức kế toán Sổ nhật ký – Sổ cái.....	31

1.10.4: Hình thức nhật ký – chứng từ ghi sổ.....	32
1.10.5: Hình thức kế toán máy	33
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TIẾP VẬN MERCURY VIỆT NAM	34
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam.	34
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam	34
2.1.2. Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh tại Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam.	35
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam.	35
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam.....	37
2.1.5. Hình thức kế toán, chế độ chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam.	38
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam.....	40
2.2.1. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam.	40
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	40
- Căn cứ vào bảng kê (Biểu 2.1) kế toán lập HĐ 0015531 (Biểu số 2.2). Biểu 2.2: Hóa đơn GTGT số 0015531	42
2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	51
2.2.2. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam.	64
2.2.3. Kế toán doanh thu và chi phí khác trong Công ty TNHH Tiếp vận Mercury Việt Nam.....	70

2.2.4. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tiếp vận Mercury Việt Nam.....	70
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TIẾP VẬN MERCURY VIỆT NAM	81
3.1: Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam.....	81
3.1.1: Ưu điểm.....	81
3.1.2: Hạn chế.....	81
3.2: Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.....	81
3.3: Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh	82
3.4: Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam.....	83
3.5.1: Về phía Nhà nước.....	88
3.5.2: Về phía doanh nghiệp.....	88
KẾT LUẬN	89
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	90

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	9
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.	11
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn bán hàng theo phương pháp kê khai.....	14
thường xuyên.....	14
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	15
Sơ đồ 1.5 : Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý.....	19
doanh nghiệp	19
Sơ đồ 1.6 : Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu doanh hoạt động tài chính.....	21
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính.....	23
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập khác	25
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí khá.....	26
Sơ đồ 1.10 : Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu ,chi phí và xác định kết quả	28
kinh doanh.....	28
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả	29
kinh doanh theo hình thức Nhật ký chung	29
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả	30
kinh doanh theo hình thức Nhật ký – Chứng từ.....	30
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả	31
kinh doanh theo hình thức Nhật ký – Sổ cái.....	31
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả	32
kinh doanh theo hình thức Nhật ký – Sổ cái.....	32
Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả	33
kinh doanh theo hình thức kế toán máy	33
Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam .	36
Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt	37
Nam.....	37
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh	39
doanh của Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam	39

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1: Bảng kê cước vận chuyển	41
Biểu 2.3: Hóa đơn GTGT số 0015600.....	44
Biểu 2.4 : Giấy báo có ngân hàng ACB.....	45
Biểu số 2.5: Hóa đơn GTGT số 0015690	47
Biểu số 2.6: Phiếu thu số 15/12	48
Biểu số 2.7: Sổ Nhật ký chung	49
Biểu 2.8: Sổ cái TK 511	50
Biểu 2.9: Phiếu kế toán.....	52
Biểu 2.10: Phiếu kế toán.....	53
Biểu số 2.11: Sổ Nhật ký chung	54
Biểu 2.12: Sổ cái TK 632	55
Biểu 2.13: Hóa đơn GTGT số 0023542.....	57
Biểu số 2.14: Phiếu chi số 17/12	58
Biểu 2.15: Hóa đơn GTGT số 0052322.....	60
Biểu số 2.16: Phiếu chi số 18/12	61
Biểu 2.17: Sổ Nhật ký chung.....	62
Biểu số 2.18: Sổ Cái TK 642.....	63
Biểu 2.19: Giấy báo có ngân hàng ACB.....	65
Biểu số 2.20: Giấy báo nợ	66
Biểu 2.21: Sổ Nhật ký chung.....	67
Biểu 2.22: Sổ cái TK 515	68
Biểu 2.23: Sổ cái TK 635	69
Biểu 2.24: Phiếu kế toán.....	71
Biểu 2.25: Phiếu kế toán.....	72
Biểu 2.26: Phiếu kế toán.....	73
Biểu 2.27: Phiếu kế toán.....	74
Biểu 2.28: Phiếu kế toán.....	75
Biểu 2.29: Sổ Nhật ký chung.....	76
Biểu 2.30: Sổ cái TK 821	77
Biểu 2.31: Sổ cái TK 421	78
Biểu 2.32: Sổ cái TK 911	79
Biểu số 2.33: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017	80

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cần thiết của đề tài nghiên cứu.

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp luôn quan tâm đến chi phí, doanh thu và mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận thu được. Bằng hệ thống các phương pháp khoa học, kế toán đã thể hiện được tính ưu việt của mình trong việc bao quát toàn bộ tình hình tài chính và quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp một cách đầy đủ và chính xác. Đặc biệt, công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là mối quan tâm hàng đầu của mỗi doanh nghiệp trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Xuất phát từ tầm quan trọng của công việc đó, và được sự chấp thuận của Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam, vận dụng kiến thức 4 năm ngồi trên ghế nhà trường với sự giúp đỡ của thầy giáo Nguyễn Đức Kiên, em đã chọn đề tài

“ Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam” làm đề tài tốt nghiệp của mình.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài.

- Khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam.

- Đưa ra một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.

- Đối tượng nghiên cứu: Tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Phạm vi về không gian: Nghiên cứu đối tượng nêu trên tại Công ty TNHH Tiếp Mercury Việt Nam.

+ Phạm vi về thời gian: Khảo sát đối tượng nêu trên với số liệu được phân tích là số liệu của năm 2017.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Các phương pháp kế toán

- Phương pháp thống kê so sánh

5. Kết cấu của khóa luận.

Khóa luận gồm có 3 chương (Ngoài phần mở đầu và kết luận)

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam.

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Nội dung các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ *Bán hàng*: là hoạt động thực hiện trao đổi sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp chuyên cho khách hàng và khách hàng đồng ý hoặc chấp nhận thanh toán cho doanh nghiệp.

❖ *Sản phẩm sản xuất*: là sản phẩm mà doanh nghiệp tự sản xuất ra để phục vụ cho chính doanh nghiệp hoặc để trao đổi với doanh nghiệp khác trong thương mại.

❖ *Sản phẩm tiêu thụ*: đây là quá trình thực hiện mục đích sản xuất hàng hóa, là đưa sản phẩm từ nơi sản xuất đến nơi có nhu cầu tiêu thụ. Nó là khâu lưu thông hàng hóa, là cầu nối trung gian giữa một bên là sản xuất và một bên phân phối và một bên là tiêu dùng.

❖ *Doanh thu*: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

❖ *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ*: là toàn bộ số tiền mà doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các nghiệp vụ và giao dịch phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng đã trừ các khoản giảm trừ doanh thu như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán,... trong kỳ báo cáo, làm căn cứ tính kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ *Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp*

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động.

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

+ Hoạt động tài chính: là các hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn hoặc dài hạn với mục đích kiếm lợi nhuận.

+ Hoạt động khác: là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp

- Kết quả hoạt động kinh doanh: là kết quả của hoạt động tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, dịch vụ và các hoạt động tài chính được biểu hiện qua các chỉ tiêu lợi nhuận về hoạt động kinh doanh.

1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu

✓ *Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng*

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc người kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp đã thu hoặc sẽ thu các lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Khi đã đồng thời thỏa mãn cả 5 tiêu chuẩn trên thì doanh thu bán hàng được ghi nhận.

✓ *Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Doanh thu thu được tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Doanh nghiệp xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày tiến hành thành lập bảng cân đối kế toán.

- Doanh nghiệp xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện nêu trên.

✓ *Điều kiện ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.*

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 2 điều kiện trên.

1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được các định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng, bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm bên ngoài giá bán (nếu có).

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của các nghiệp vụ phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân thị trường liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán. Cuối kỳ thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được trừ ra khỏi doanh thu bán hàng.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB hoặc thuế XK thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán sản phẩm, hàng hóa, giá cung cấp dịch vụ (bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế XK)

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì doanh thu chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá trả ngay và ghi nhận doanh thu và ghi nhận doanh thu tài chính về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với từng thời điểm xác định doanh thu trong thời gian trả lãi.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ số tiền thu được chia cho năm cho thuê tài sản.

- Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá. Doanh thu trợ cấp, trợ giá được phản ánh trên tài khoản 5114.

- *Không hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ các trường hợp sau:*

+ Trị giá hàng hóa, vật tư, bán thành phẩm xuất giao cho bên gia công, chế biến.

+ Trị giá sản phẩm, bán thành phẩm, dịch vụ cung cấp giữa các đơn vị thành viên trong một công ty, tổng công ty hạch toán ngành (sản phẩm, bán thành phẩm, dịch vụ tiêu thụ nội bộ).

+ Số tiền thu được từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.

+ Trị giá sản phẩm, hàng hóa đang gửi đi bán, dịch vụ hoàn thành và cung cấp cho khách hàng nhưng chưa được sự chấp nhận thanh toán của người mua.

+ Trị giá hàng gửi bán theo phương thức gửi bán hàng đại lý, ký gửi (chưa được xác nhận là tiêu thụ).

+ Các khoản thu nhập khác không được coi là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh kế toán cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí cho từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời, theo dõi, đôn đốc, thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước và tình hình phân phối kết quả của các hoạt động.

- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng và phân phối kết quả kinh doanh.

1.5: Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.5.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- ❖ *Chứng từ sử dụng*
- ✓ Hóa đơn GTGT
- ✓ Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan
- ❖ *Tài khoản sử dụng*

- Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một thời kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và nghiệp vụ sau:

➤ **Kết cấu**

Bên nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp, nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;
- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

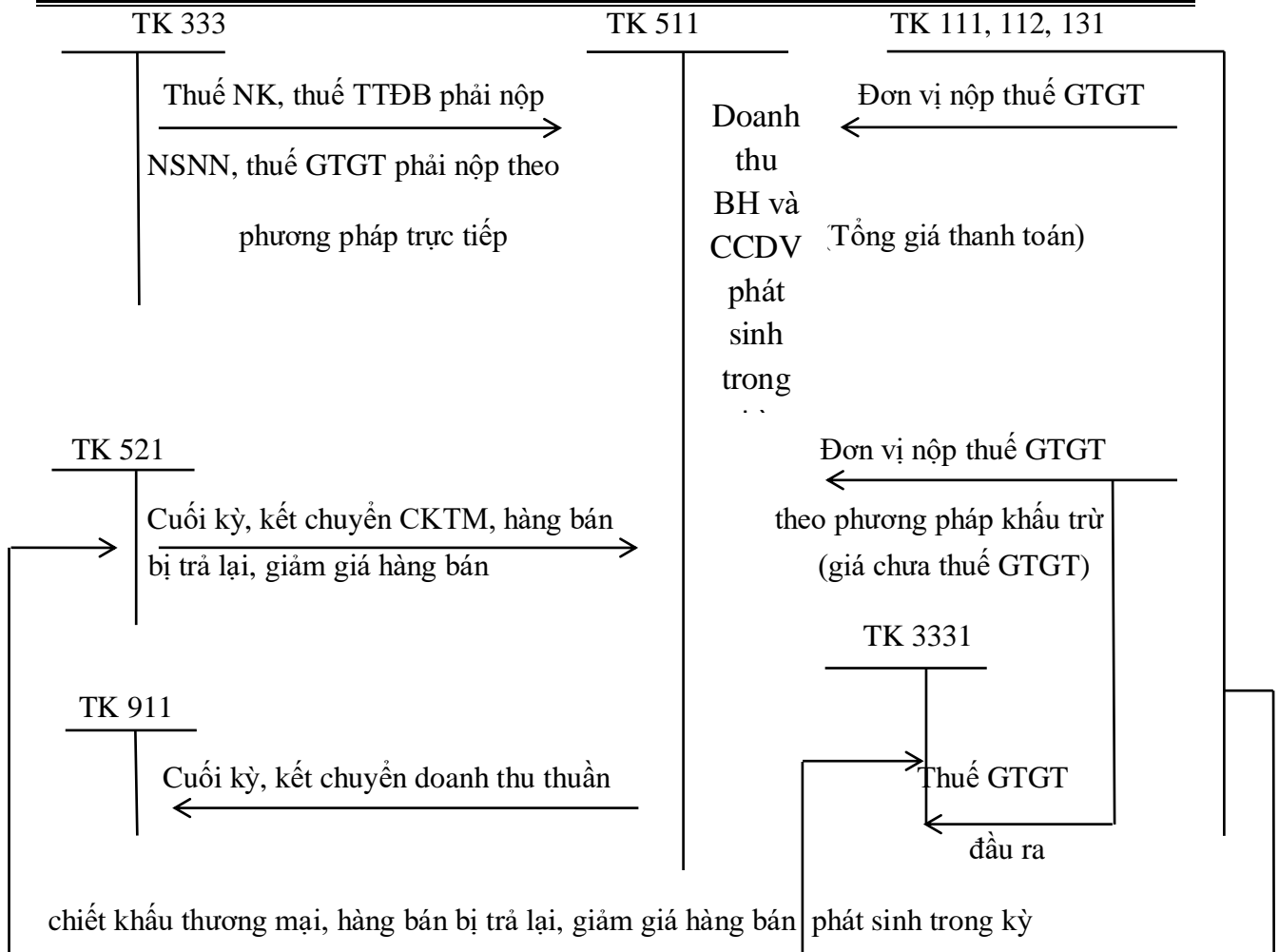
Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

➤ *Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tài khoản cấp 2:*

- Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Tài khoản 5118 - Doanh thu hoạt động khác

❖ *Phương thức hạch toán*



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.5.2: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

- ❖ Chứng từ sử dụng
- ❖ Tài khoản 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm doanh thu phát sinh trong quá trình thanh toán khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, hàng hóa bị khách hàng trả lại hoặc hàng bán được giảm giá.

- **Kết cấu**

Bên nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng;-
Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán;

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng kém phẩm chất hoặc sai quy cách trong hợp đồng kinh tế.

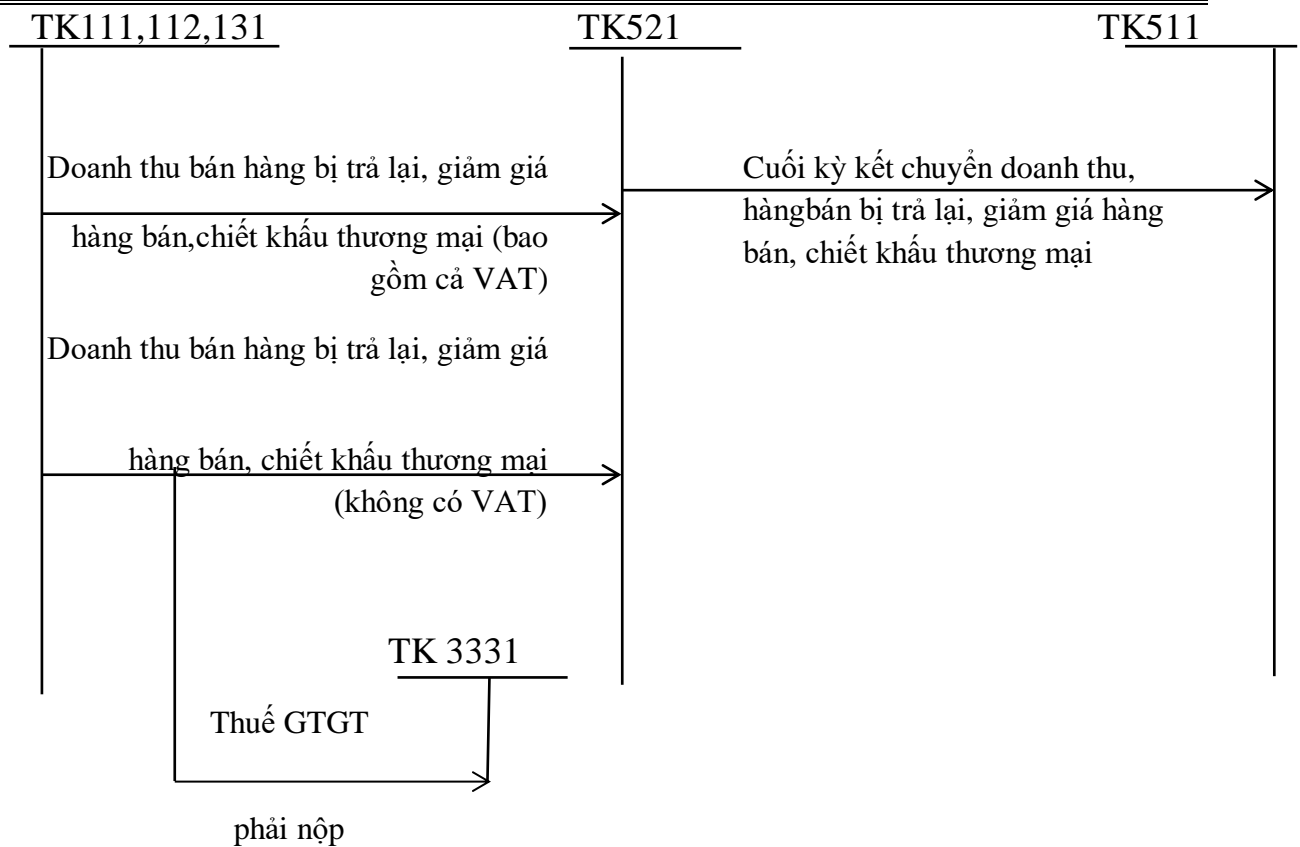
Bên có:

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 - “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

- *Tài khoản 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu, có 3 tài khoản cấp 2:*

- Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại
- Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại
- Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.

1.5.3: Kế toán giá vốn hàng bán

❖ Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

✓ Phương pháp bình quân gia quyền: theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng thời kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp.

➤ Theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ của hàng I} = \frac{\text{Giá thực tế hàng I đầu kỳ} + \text{Giá thực tế hàng I nhập kho trong kỳ}}{\text{Lượng thực tế hàng I tồn kho đầu kỳ} + \text{Lượng thực tế hàng I nhập kho trong kỳ}}$$

- Theo giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau lần nhập } j \text{ của hàng I} = \frac{\text{Giá thực tế tồn kho sau lần nhập } j \text{ của hàng I}}{\text{Lượng thực tế tồn kho sau lần nhập } j \text{ của hàng I}}$$

✓ Phương pháp nhập trước xuất trước: phương pháp nhập trước xuất trước áp dụng trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước thì được xuất trước theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của lô hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

✓ Phương pháp giá bán lẻ: phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác.

✓ Phương pháp thực tế đích danh: phương pháp này giá được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng hàng hóa mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

❖ Chứng từ sử dụng

- ✓ Phiếu xuất kho
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu chi, giấy báo nợ...

❖ Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 632** - Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ.

- Kết cấu

Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:

Bên nợ:

Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh:

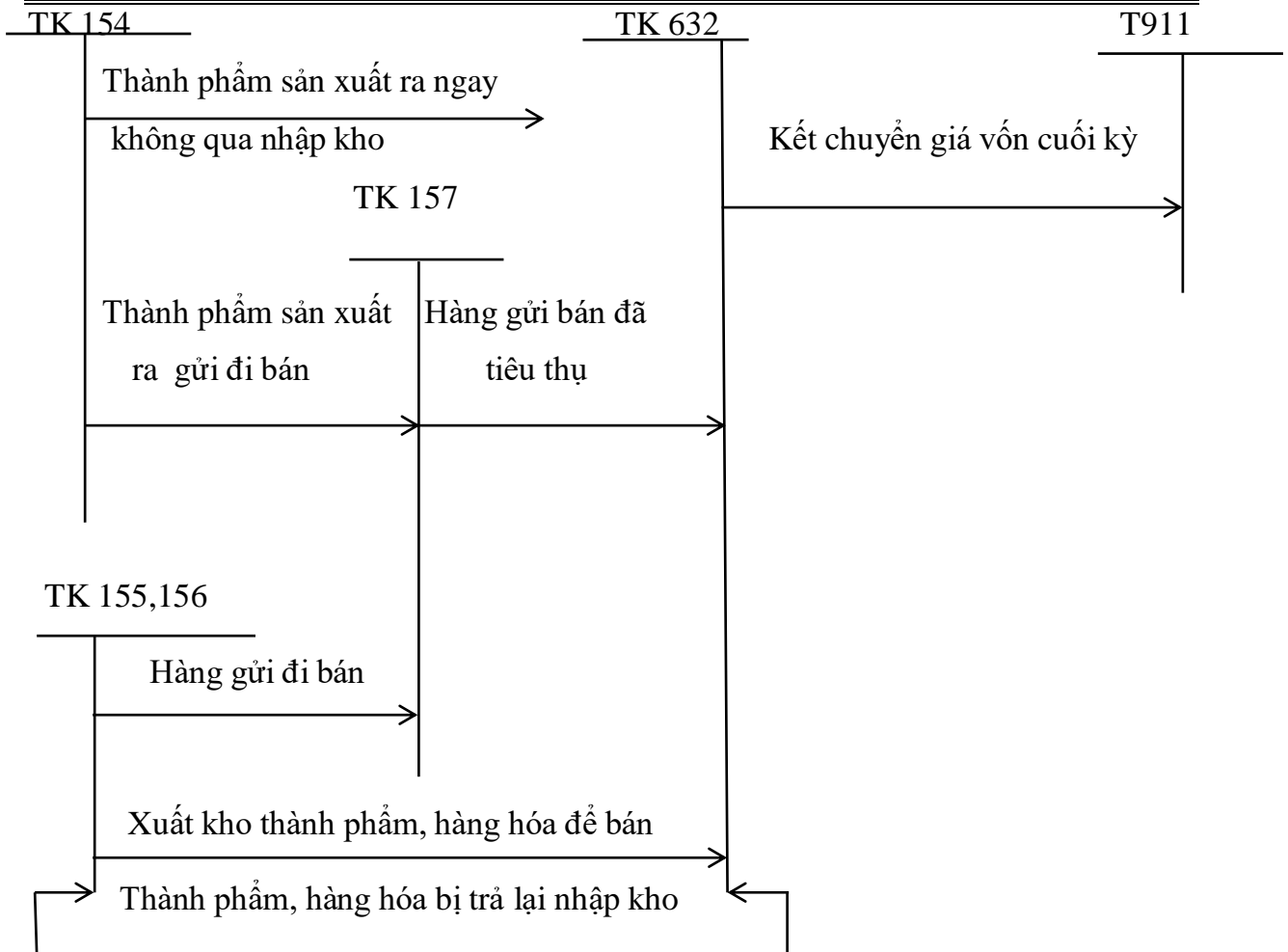
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

Bên có:

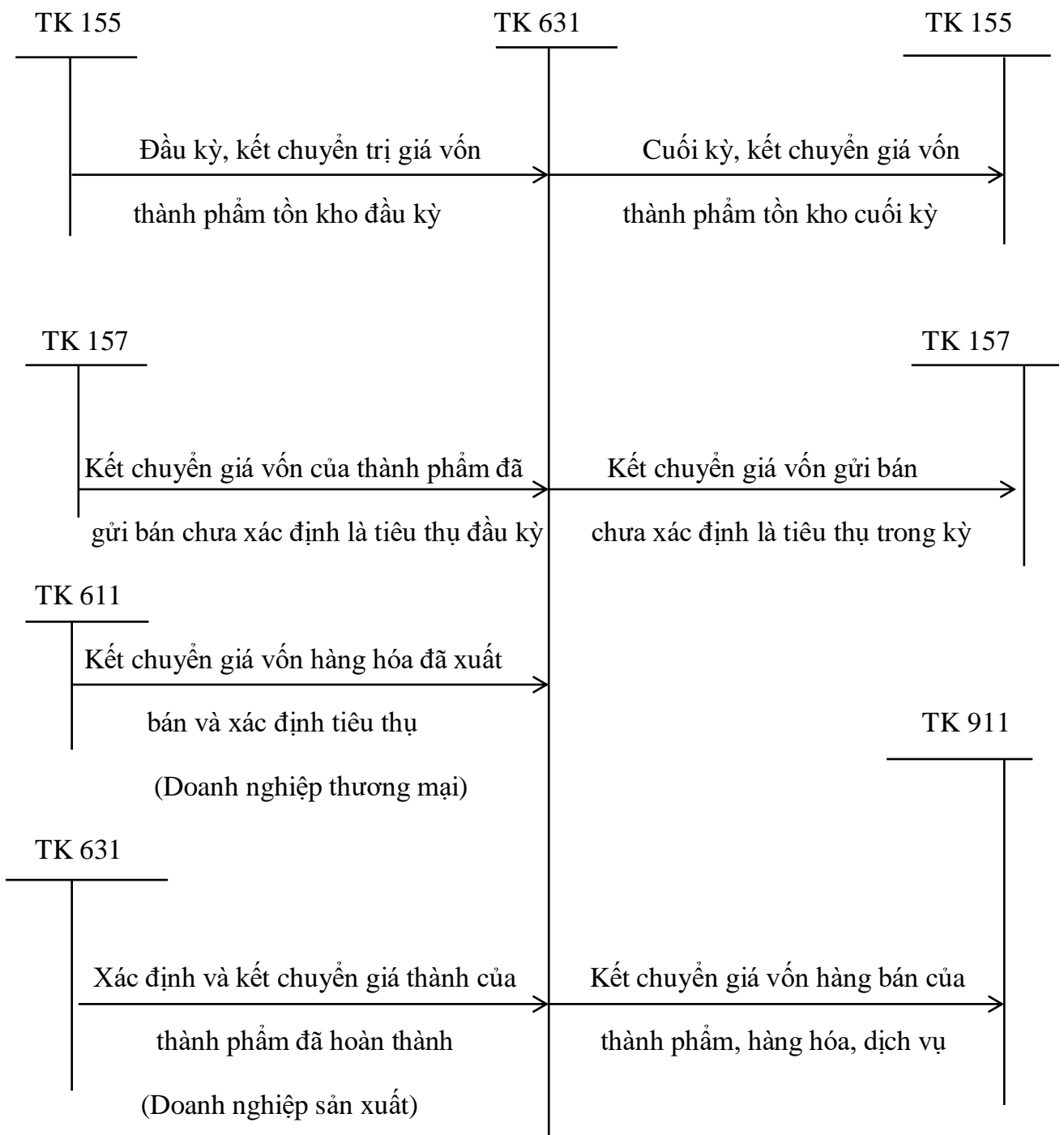
- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”;
 - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;
 - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng đã lập năm trước);
 - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
- Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

❖ *Phương pháp hạch toán*

- Doanh nghiệp hạch toán HTK theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn bán hàng theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.6: Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp**1.6.1. Kế toán chi phí bán hàng**❖ *Chứng từ sử dụng*

- ✓ Bảng lương, bảng phân bổ lương.
- ✓ Bảng phân bổ chi phí trả trước.
- ✓ Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- ✓ Phiếu chi, giấy báo nợ, hóa đơn GTGT

❖ *Tài khoản sử dụng*

✓ Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng: Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

❖ Tài khoản có 7 tài khoản cấp 2:

✓ tài khoản 6411 – Chi phí nhân viên: Phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hóa,.. bao gồm tiền lương, tiền ăn giữ ca, tiền công và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN,...

✓ Tài khoản 6412 – Chi phí vật liệu, bao bì: Phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ như chi phí vật liệu đóng gói sản phẩm, hàng hóa, chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo quản, bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa trong quá trình tiêu thụ, vật liệu dùng cho sửa chữa, bảo quản TSCĐ,.. dùng cho bộ phận bán hàng.

✓ Tài khoản 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng: Phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ, phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc,...

✓ Tài khoản 6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ: Phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ ở bộ phận bảo quản, bán hàng như nhà lưu kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện bốc dỡ, vận chuyển, phương tiện tính toán, phương tiện đo lường, kiểm nghiệm chất lượng,...

✓Tài khoản 6415 – Chi phí bảo hành: Phản ánh chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa. Riêng chi phí sửa chữa và bảo hành công trình xây lắp phản ánh ở TK 627 “ Chi phí sản xuất chung” không phản ánh ở tài khoản này.

✓Tài khoản 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí thuê ngoài sửa chữa TSCĐ phục vụ trực tiếp cho khâu bán hàng, tiền thuê kho, thuê bãi, tiền thuê bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa đi bán, trả tiền hoa hồng cho đại lý bán hàng, cho đơn vị nhận ủy thác xuất khẩu,...

✓Tài khoản 6418 – Chi phí bằng tiền khác: Phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí đã kể trên như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí giới thiệu sản phẩm, hàng hóa, quảng cáo, chào hàng, chi phí hội nghị khách hàng,..

❖ *Kết cấu tài khoản*

NỢ	TK641	CÓ
- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ	- Khoản được ghi giảm chi phí phát sinh trong kỳ. - Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.	
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ
TK 641 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ		

1.6.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ *Chứng từ sử dụng*

- ✓ Hóa đơn GTGT, giấy báo nợ, phiếu chi
- ✓ Bảng lương, bảng phân bổ lương
- ✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- ✓ Phiếu xuất kho vật liệu
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp: Tài khoản này phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...) bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài, chi phí tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...)

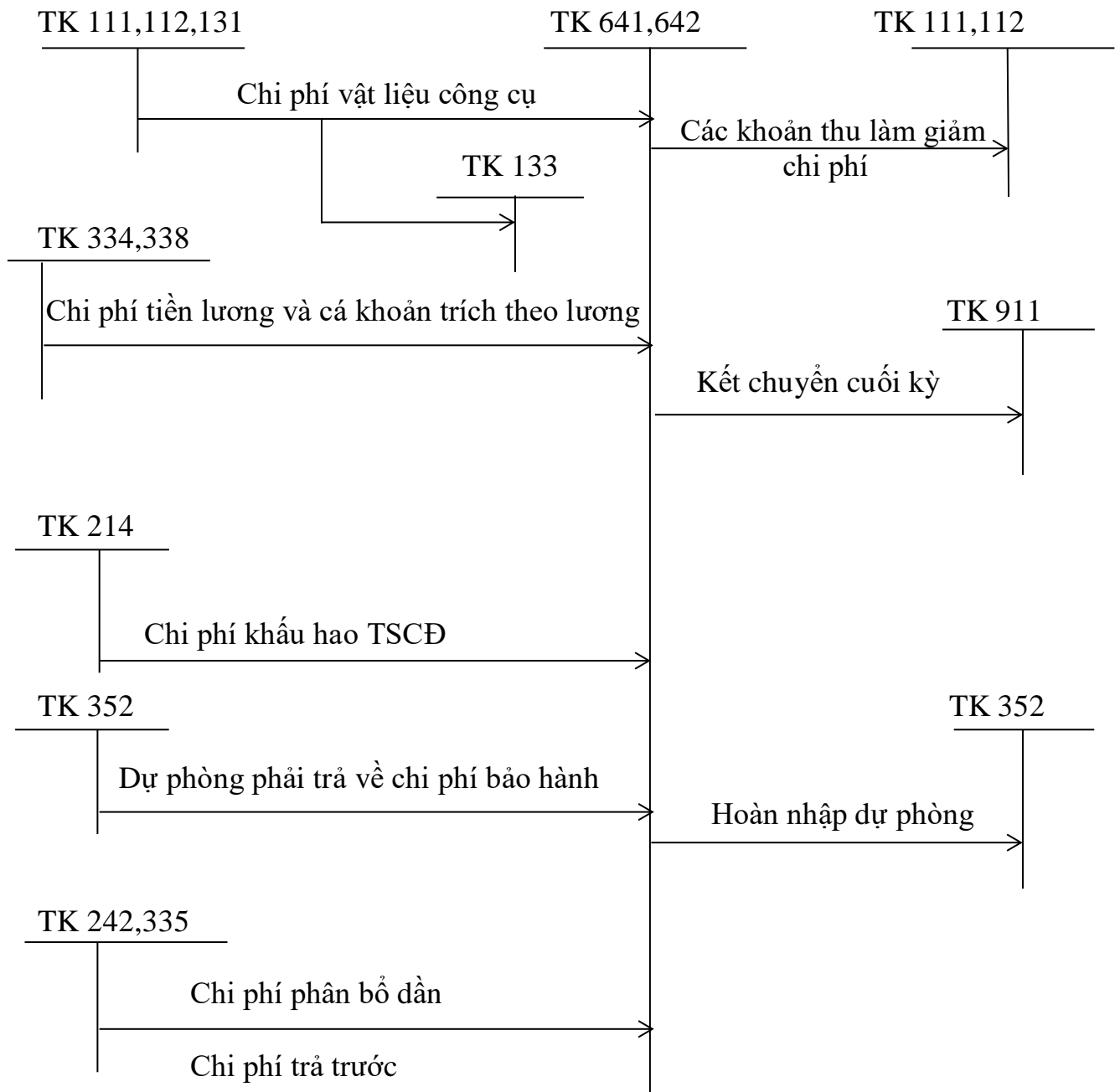
- Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp 2 :
 - + Tài khoản 6421 : Chi phí nhân viên quản lý.
 - + Tài khoản 6422 : Chi phí vật liệu quản lý.
 - + Tài khoản 6423 : Chi phí đồ dùng văn phòng.
 - + Tài khoản 6424 : Chi phí khấu hao tài sản cố định.
 - + Tài khoản 6425 : Thuế, phí và lệ phí.
 - + Tài khoản 6426 : Chi phí dự phòng.
 - + Tài khoản 6427 : Chi phí dịch vụ mua ngoài.
 - + Tài khoản 6428 : Chi phí bằng tiền khác.

Kết cấu tài khoản

❖ Kết cấu tài khoản

NỢ	TK642	CÓ
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả, (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).	- Các khoản được ghi giảm chi phí phát sinh trong kỳ. - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết). - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ
TK 642 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ		

❖ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.5 : Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.7 : Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

1.7.1: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu
- Báo có
- Các chứng từ liên quan

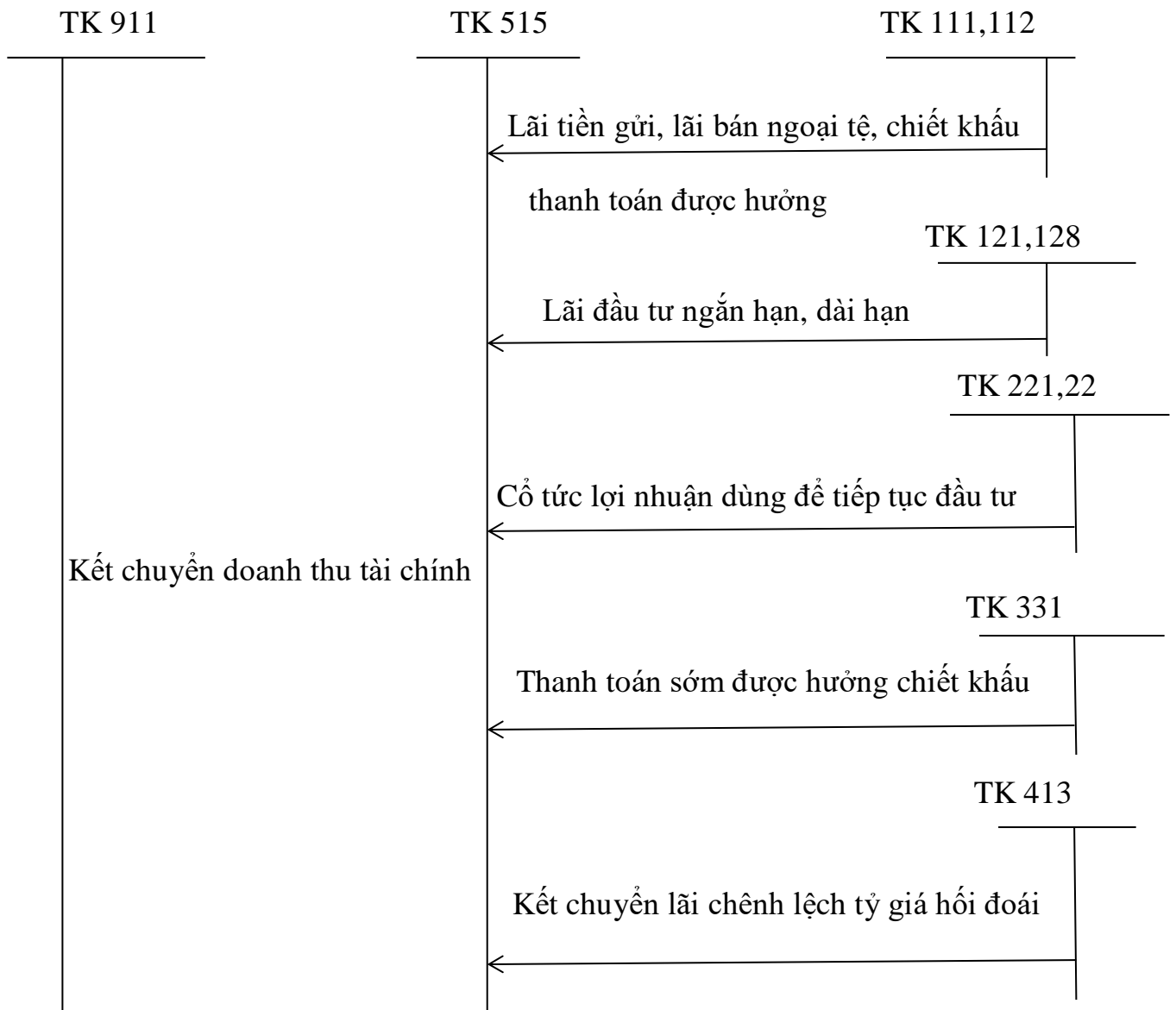
❖ Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu tài chính khác của doanh nghiệp.

❖ *Kết cấu tài khoản*

NỢ	TK515	CÓ
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh". 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ. 	
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ
TK 515 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ		

Phương pháp hạch toán



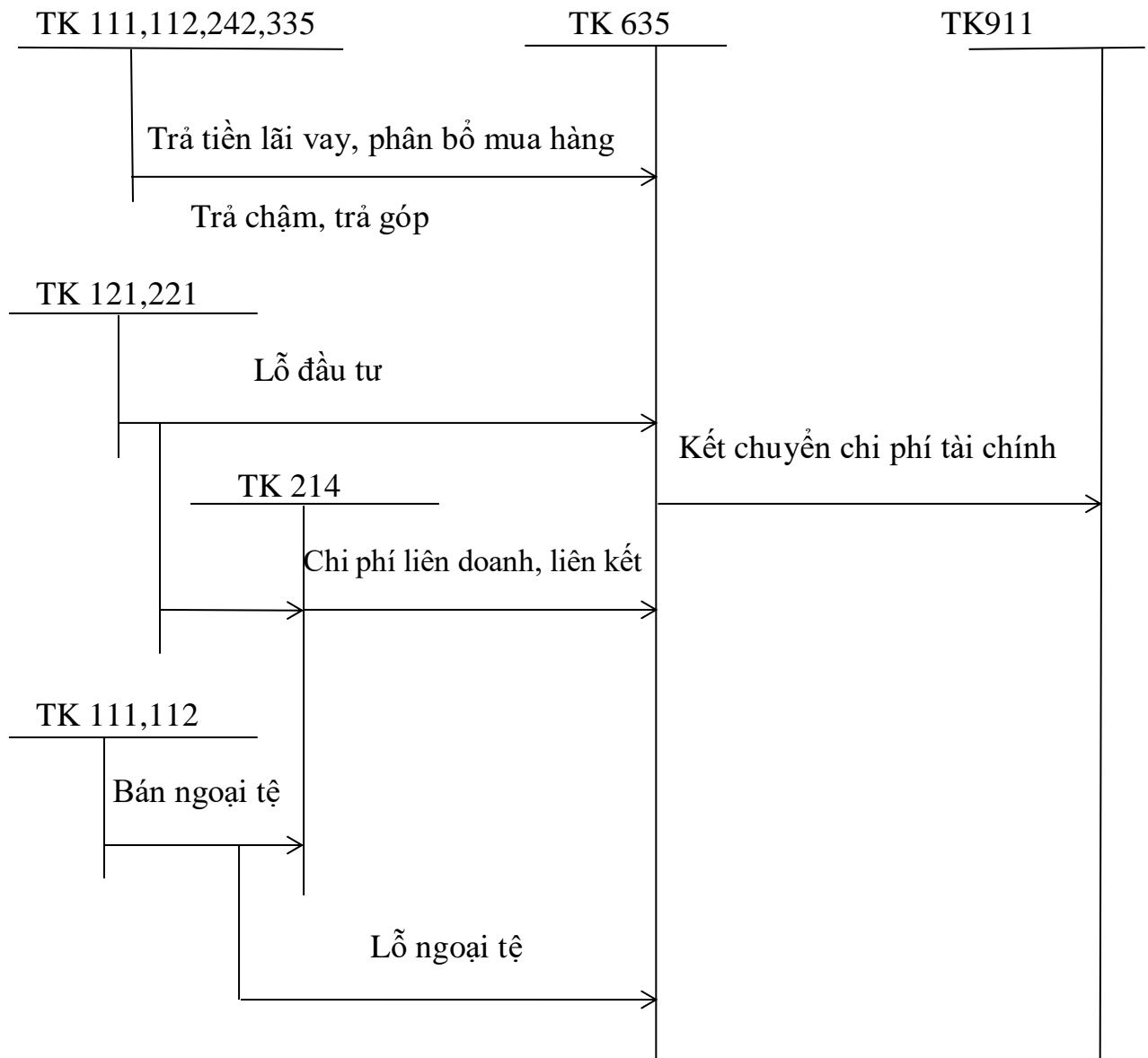
Sơ đồ 1.6 : Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu doanh hoạt động tài chính

1.7.2: Kế toán chi phí tài chính

- ❖ Chứng từ sử dụng
 - Phiếu chi
 - Báo nợ
 - Các chứng từ khác liên quan
- ❖ Tài khoản sử dụng
 - Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính: Tài khoản này phản ánh khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí và các khoản lỗ liên quan đến hoạt động tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào các đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh do bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.
- ❖ Kết cấu tài khoản

NỢ	TK635	CÓ
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính. - Lỗ bán ngoại tệ. - Chiết khấu thanh toán cho người mua. - Các khoản lỗ do thanh lý nhượng các khoản đầu tư. - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. - Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư các đơn vị khác. - Các khoản chi phí hoạt động đầu tư tài chính. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào các đơn vị khác - Các khoản được ghi giảm trong kỳ tài chính. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh. 	
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ
TK 635 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ		

- ❖ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính

1.8: Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác

1.8.1: Kế toán thu nhập khác

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu báo thu, Báo có
- Các chứng từ liên quan

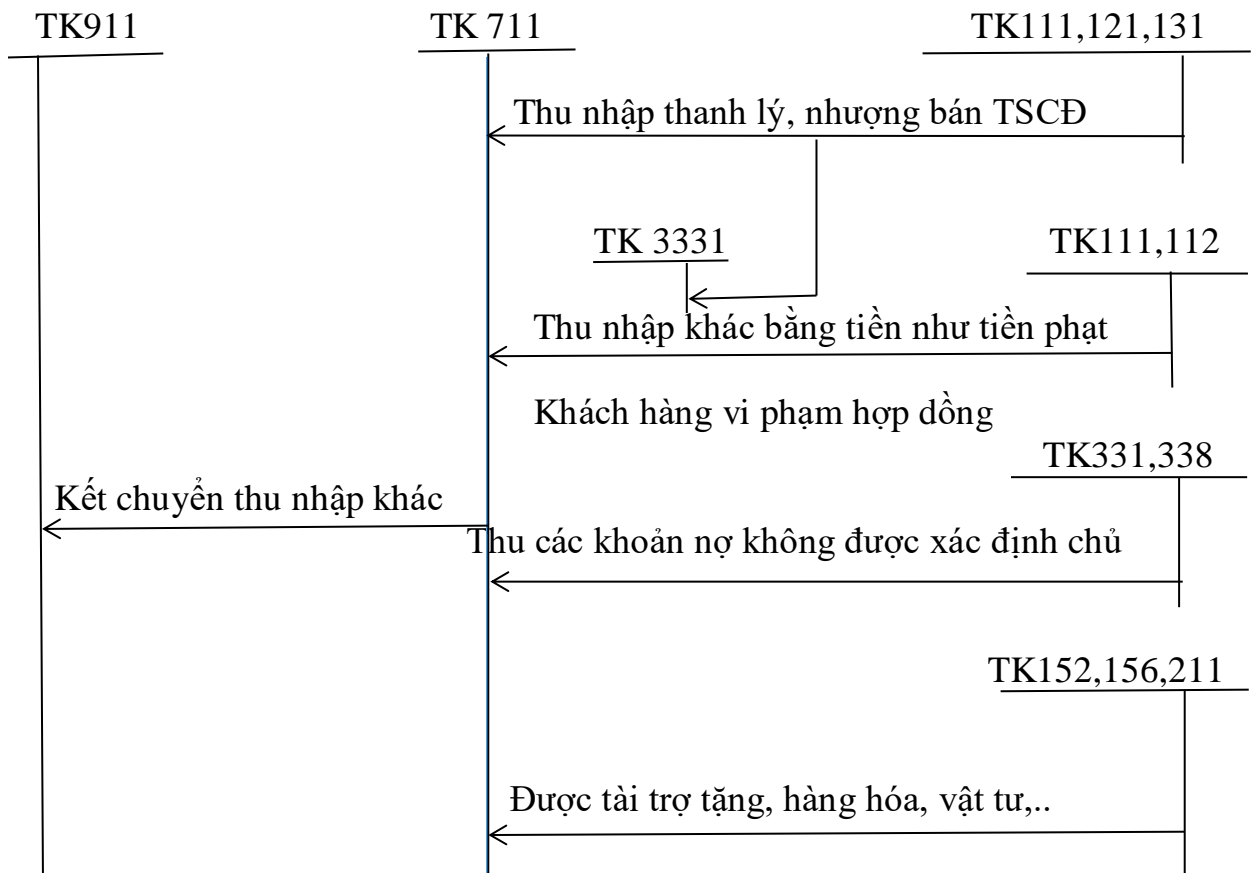
❖ Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 711 – Thu thập khác: Tài khoản này phản ánh thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, thu tiền do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi xử lý đã xóa sổ, các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại, thu các khoản nợ phải trả không xác định được chi, khoản tiền thưởng cho khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có) thu nhập từ quà biếu tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức cá nhân, các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi, năm nay mới phát hiện ra.

❖ Kết cấu tài khoản

NỢ	TK711	CÓ
<p>- Số thứ GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.</p> <p>- Cuối kỳ toán kết chuyển các khoản thu nhập khách theo phát sinh trong kỳ tài khoản 911.</p>	<p>- Các thu nhập khách phải tính trong chu kỳ.</p>	
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ
TK 711 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ		

❖ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập khác

1.8.2: Kế toán chi phí khác

❖ Chứng từ ghi sổ

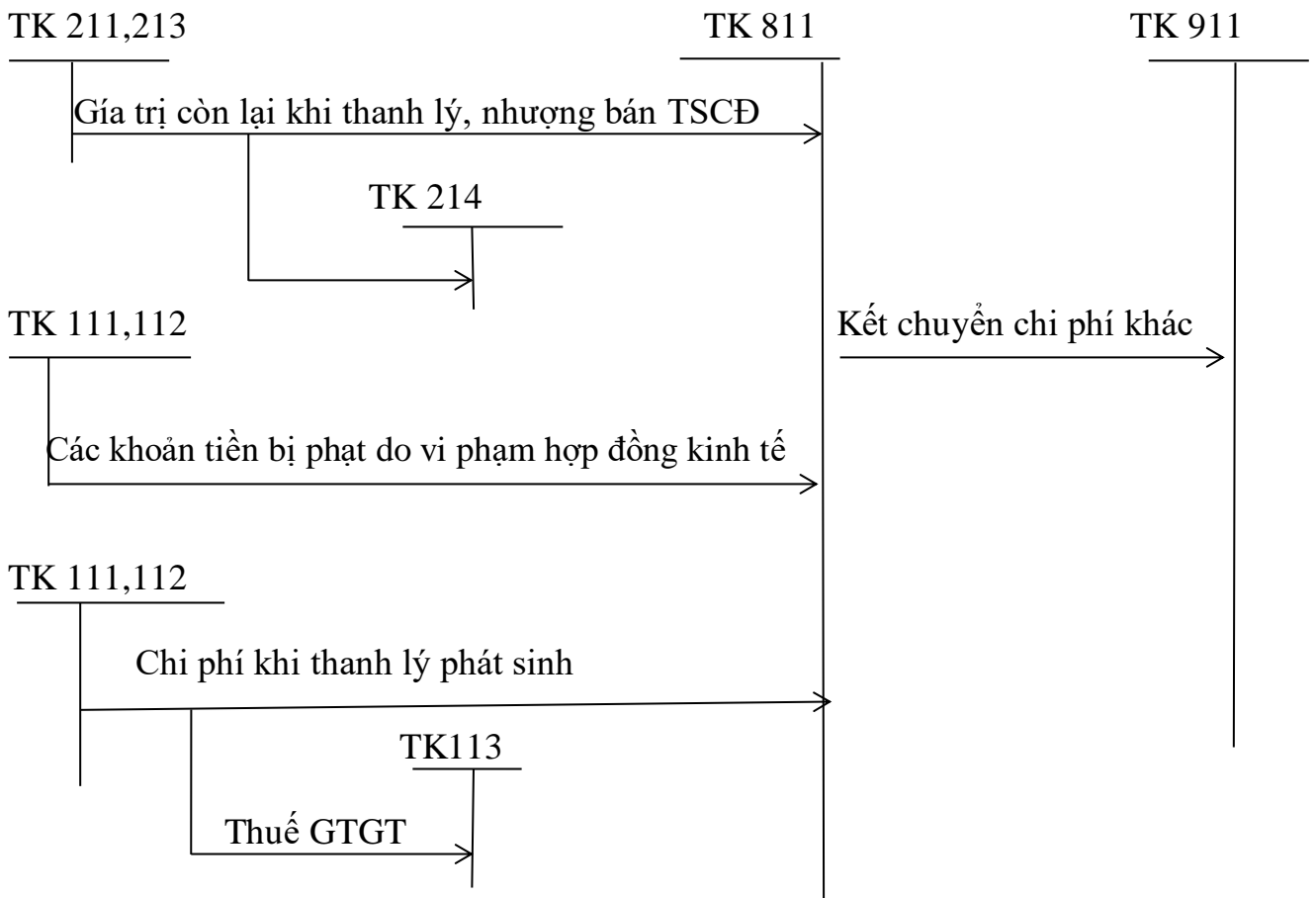
- Báo nợ, phiếu chi
- Các chứng từ khác liên quan
- Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 811 – Chi phí khác: Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý nhượng bán TSCĐ, (nếu có), tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phát thuế, truy thu thuế, các khoản phí do kế toán bị nhầm lẫn hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán, các khoản phí khác.

❖ Kết cấu tài khoản

NỢ	TK811	CÓ
- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.		- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911.
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ
TK 811 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ		

❖ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí khác

1.9: Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh: Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Tài khoản 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp. Tài khoản này có 2 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 4211 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước: Phản ánh kết quả kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của các năm trước. Tài khoản 4211 còn dùng để phản ánh số điều chỉnh tăng hoặc giảm số dư đầu năm của TK 4211 khi áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố các sai sót trọng yếu của năm trước, năm nay mới phát hiện. Đầu năm sau, kế toán kết chuyển số dư đầu năm từ TK 4212 “ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay” sang TK 4211 “ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước”.

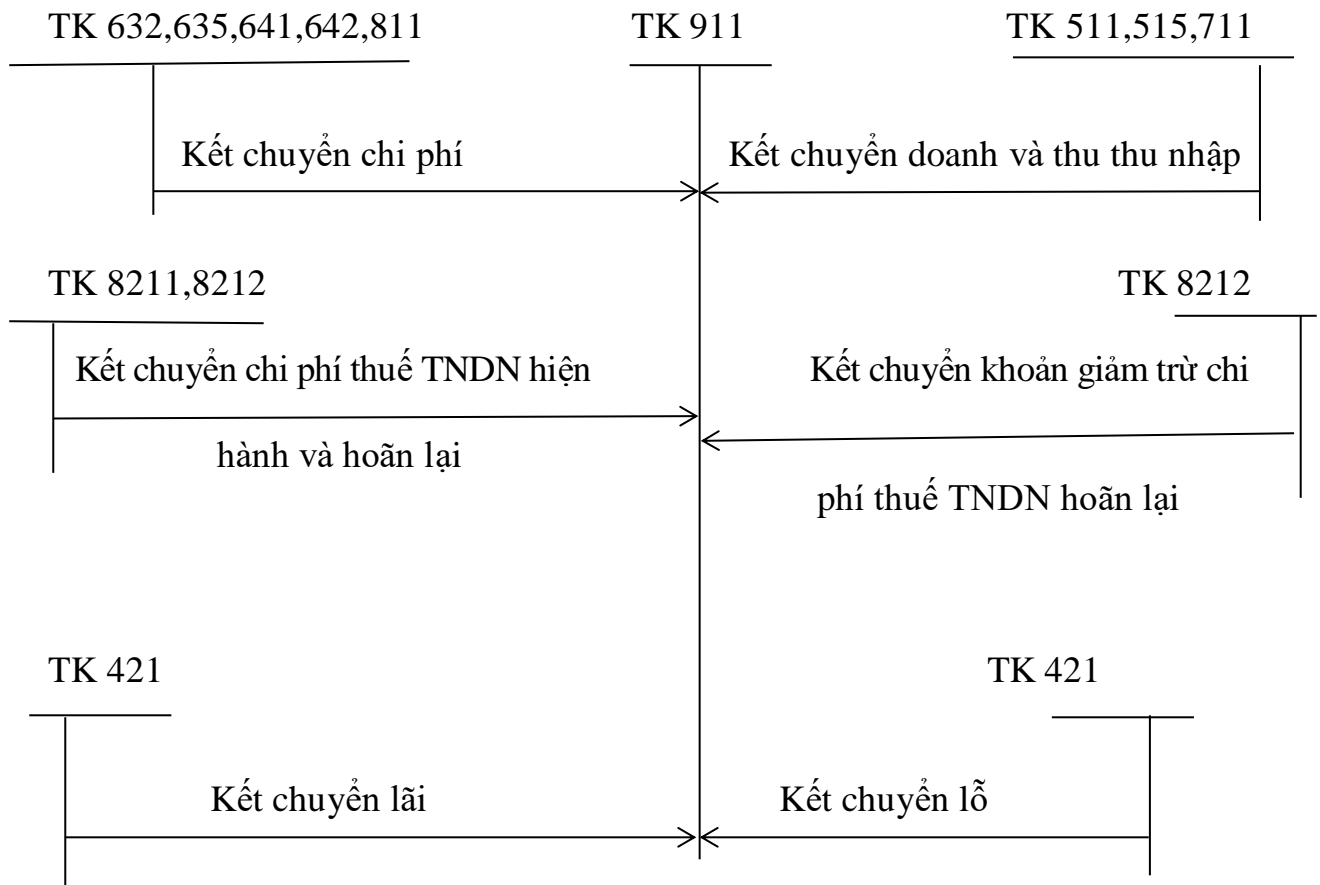
+ Tài khoản 4212 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay: Phản ánh kết quả kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận và xử lý lỗ của năm nay.

- Tài khoản 821 : Tài khoản dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

+ Tài khoản 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

+ Tài khoản 8212 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

❖ Phương pháp hạch toán

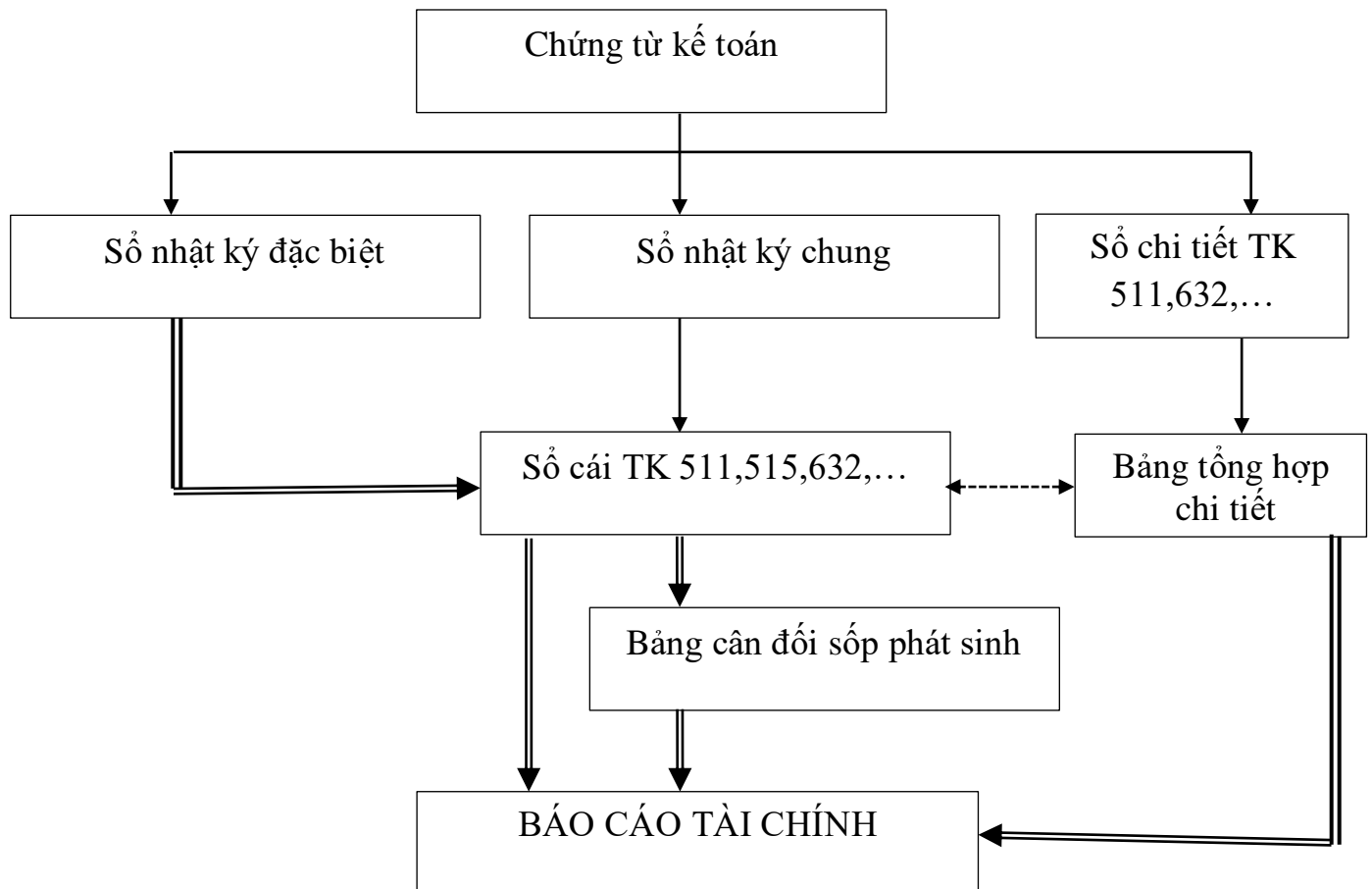


Sơ đồ 1.10 : Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu ,chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.10 : Đặc điểm kế toán doanh thu ,chi phí xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán

Theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành theo TT 200/2014 của bộ tài chính doanh nghiệp được áp dụng một số trong 5 hình thức kế toán sau:

1.10.1: Hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

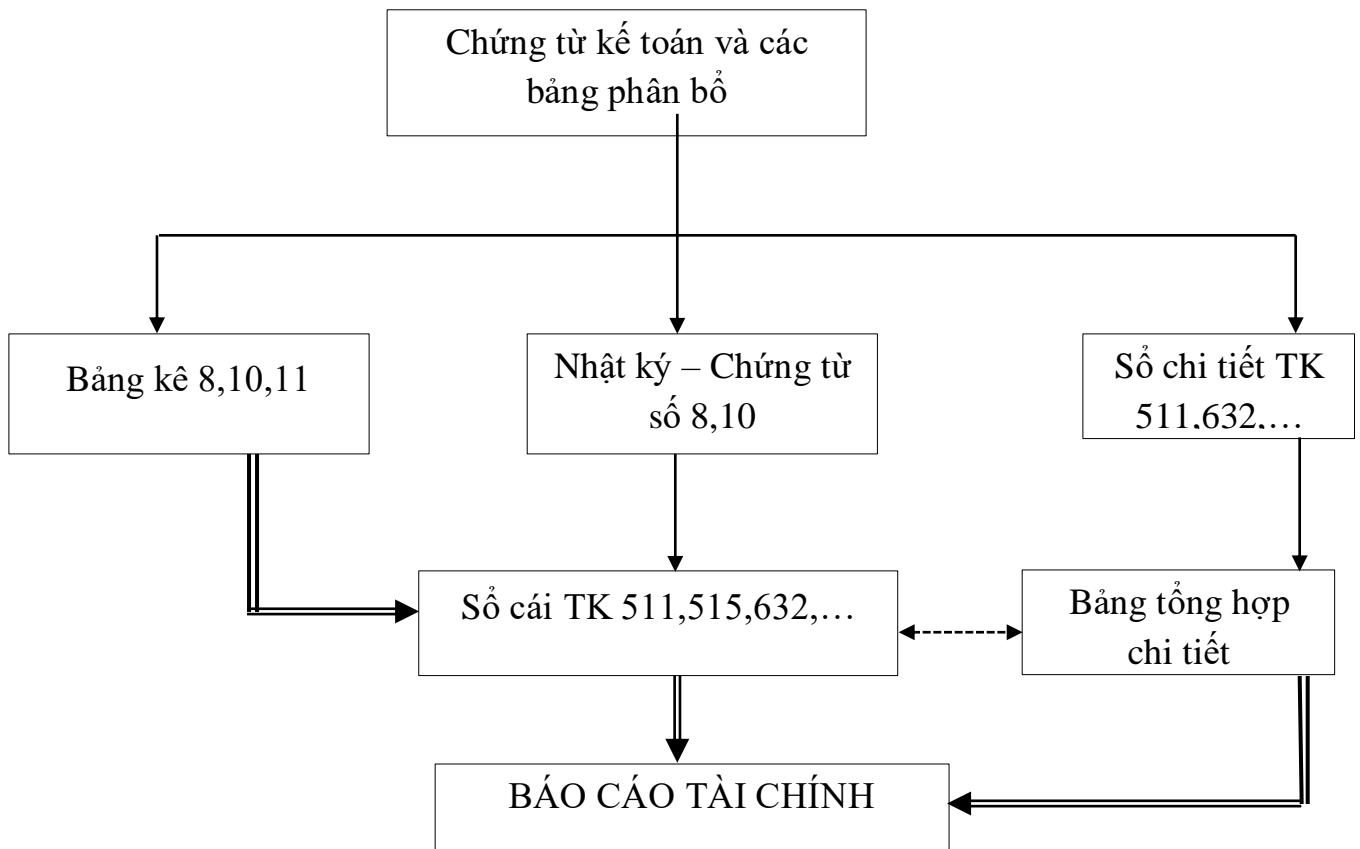
Ghi hàng ngày: →

Ghi định kỳ cuối tháng: ==>

Đối chiếu, kiểm tra: <->

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký chung

1.10.2: Hình thức nhật ký chứng từ



Ghi chú:

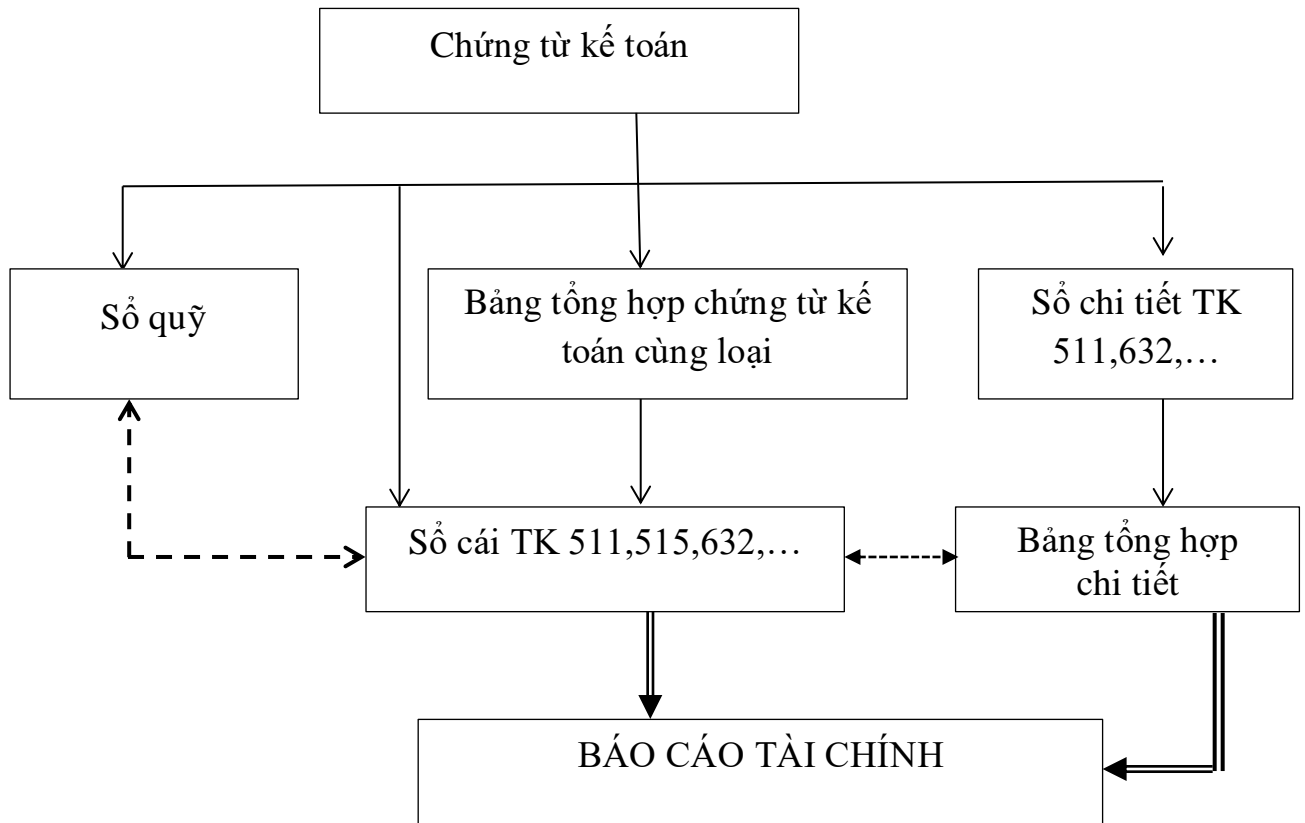
Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi định kỳ cuối tháng: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký – Chứng từ

1.10.3: Hình thức kế toán Sổ nhật ký – Sổ cái



Ghi chú:

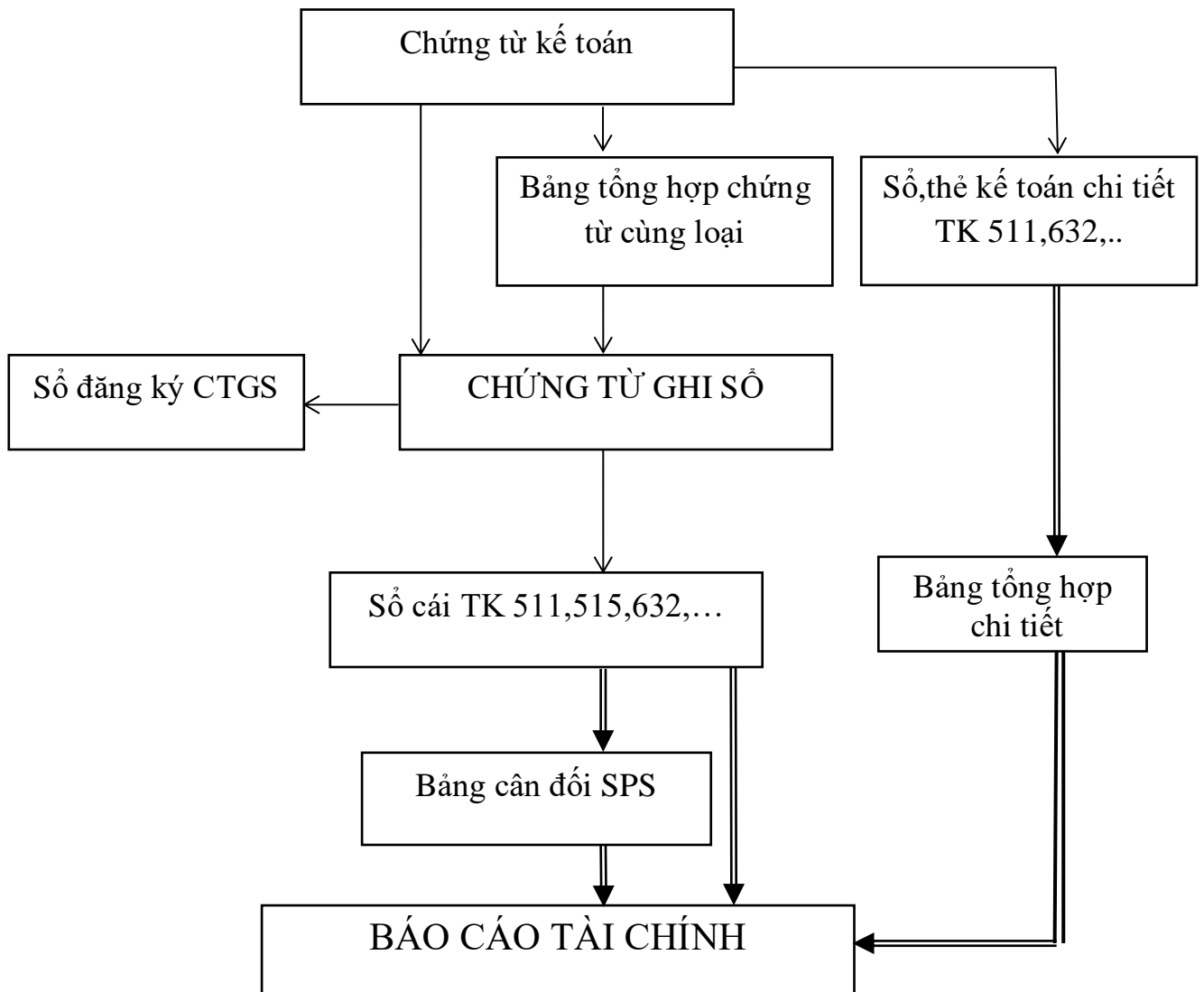
Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi định kỳ cuối tháng: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

1.10.4: Hình thức nhật ký – chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

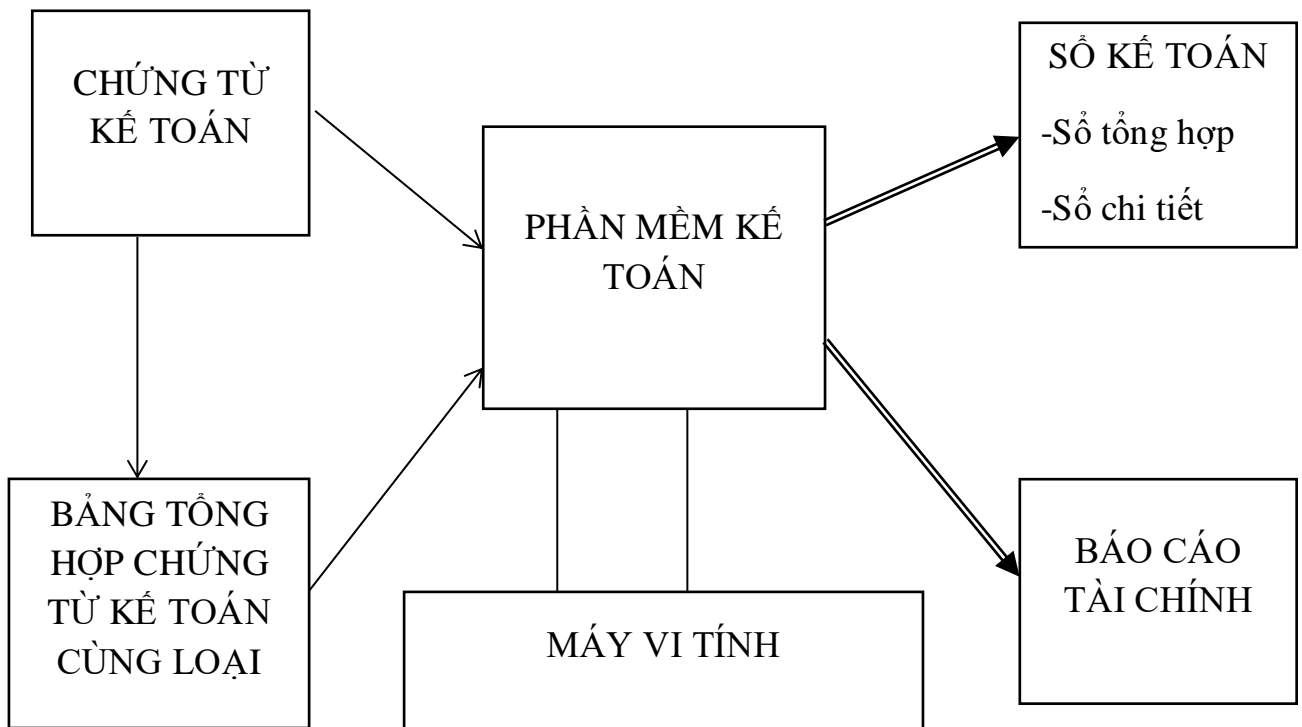
Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi định kỳ cuối tháng: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

1.10.5: Hình thức kế toán máy



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi định kỳ cuối tháng: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH****TIẾP VẬN MERCURY VIỆT NAM**

2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam.

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam

CÔNG TY TNHH TIẾP VẬN MERCURY VIỆT NAM

- Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY TNHH TIẾP VẬN MERCURY VIỆT NAM**
- Địa chỉ : **Số 54 Phan Kế Bính, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội**
- Số điện thoại : 0913212375
- Mã số thuế : 0102672924
- Vốn điều lệ : 5.800.000.000
(Bằng chữ: Năm tỷ tám trăm triệu đồng)
- Người đại diện pháp lý : **NGUYỄN VŨ KHOA**
- Loại hình doanh nghiệp : Công ty Trách nhiệm Hữu hạn
- Quy mô : Doanh nghiệp vừa và nhỏ

Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam thành lập ngày 18/03/2008. Từ khi thành lập tới nay, công ty luôn tự vận động để theo kịp sự phát triển và thay đổi của nền kinh tế. Với đội ngũ cán bộ, công nhân viên giàu kinh nghiệm và có tinh thần trách nhiệm cao... cùng với trang thiết bị, phương tiện đủ để đảm bảo cung cấp dịch vụ tốt nhất.

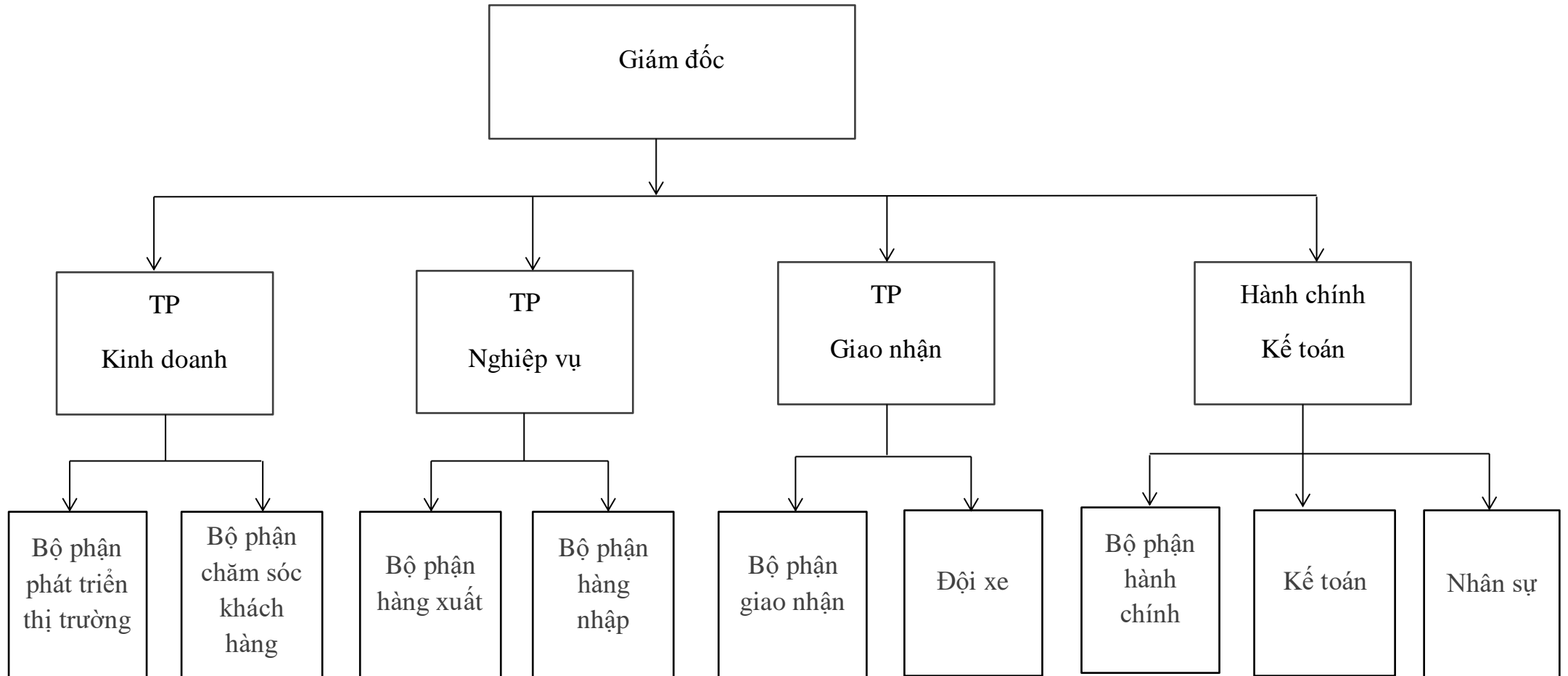
Trong một số năm trở lại đây, sản xuất kinh doanh của công ty phát triển, đời sống của cán bộ, công nhân viên được nâng lên rõ rệt.

2.1.2. Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh tại Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam.

- Chuyên vận chuyển hàng quá khổ quá tải, hàng dự án, cầu hạ hàng tại công trình, dịch vụ chọn gói- Chuyên khai thuế Hải Quan
- Chuyên xin giấy phép Nhập khẩu tự động của bộ công thương, xin kiểm tra chất lượng viện dệt may
- Rút hàng nhanh đối với hàng Quần áo, mỹ phẩm, rượu, giày dép tại cửa khẩu huyện phát nhanh: DHL, UPS, FEDEX, TNT, NỘI BÀI, GIA LÂM, MỸ ĐÌNH... HẢI PHÒNG.
- Service gold chuyên hàng mỹ phẩm , thời trang, nhận xách tay hàng hóa từ Hàn Quốc.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam.

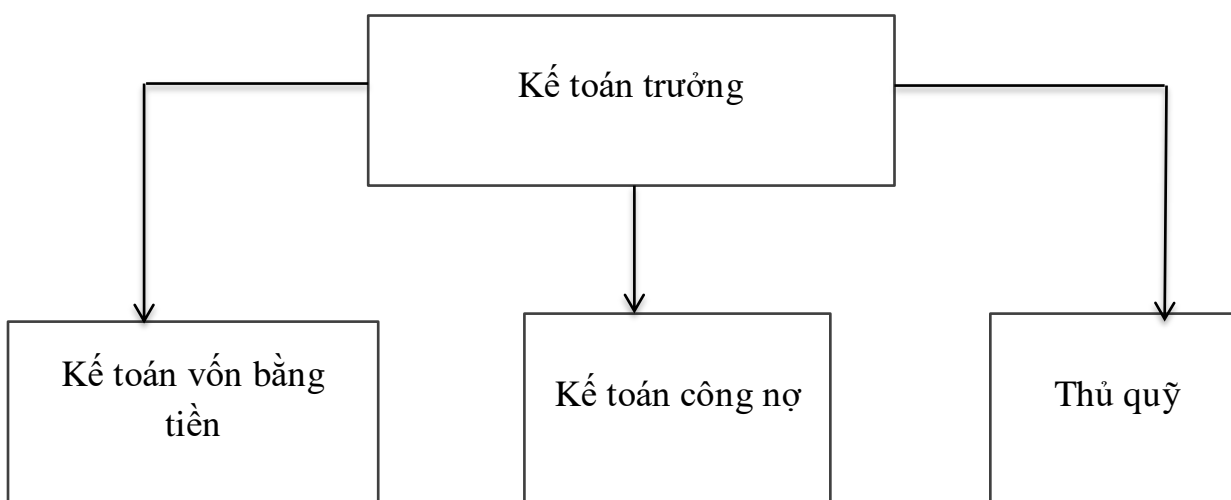
Để đảm bảo công tác quản lý và điều hành một cách thuận lợi và hiệu quả. Công ty đã áp dụng bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng.



Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung. Toàn bộ công việc kế toán được tập trung tại phòng kế toán của công ty. Bộ máy kế toán của công ty trực tiếp theo dõi và hạch toán, nắm chắc tình hình tài chính về doanh thu, chi phí của công ty.



Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam

Kế toán trưởng (kiêm kế toán tổng hợp)

Tổng hợp mọi số liệu chứng từ mà kế toán giao cho. Kiểm tra việc ghi chép, luân chuyển chứng từ. Có trách nhiệm phụ trách chung mọi hoạt động của phòng kế toán. Tham mưu kịp thời với Giám đốc tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty cho Giám đốc. Định kỳ kế toán trưởng dựa vào các thông tin từ các nhân viên trong phòng kế toán đối chiếu với sổ sách để lập báo cáo phục vụ cho Giám đốc và các đối tượng khác có nhu cầu thông tin về tài chính của công ty.

Kế toán vốn bằng tiền

Chịu trách nhiệm theo dõi tiền mặt, TGNH, tiến hành thanh toán với người mua và người bán, thanh toán các khoản lương bảo hiểm theo dõi thanh toán với ngân sách và cấp trên.

Kế toán công nợ

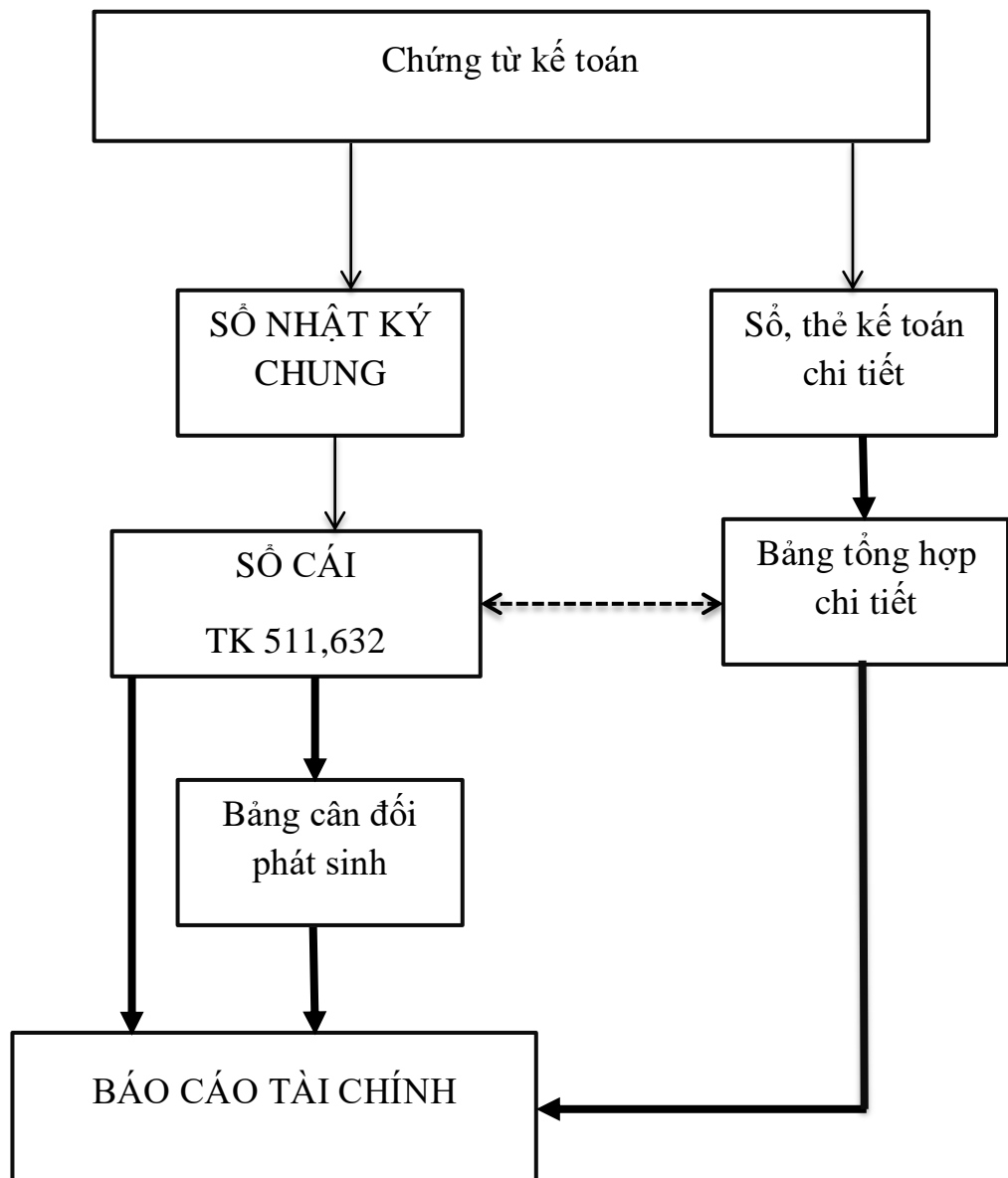
Phụ trách các khoản phải thu, phải trả của công ty. Kết hợp chặt chẽ với phòng kinh doanh theo dõi đơn đúc thu hồi công nợ khách hàng kịp thời.

Thủ quỹ

Xuất, nhập quỹ tiền mặt theo phiếu thu, phiếu chi đã được phê duyệt. Quản lý, bảo quản tiền mặt. Lập sổ quỹ và báo cáo quỹ hàng ngày, ghi chép liên tục các khoản thu chi quỹ tiền mặt và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm. Chịu trách nhiệm về số tồn quỹ trên sổ và số tồn quỹ thực tế.

2.1.5. Hình thức kế toán, chế độ chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam.

- Chế độ kế toán áp dụng: Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.
- Kỳ kế toán của năm: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Nhập trước- xuất trước.
- Phương pháp tính khấu hao: Phương pháp đường thẳng.
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Sơ đồ 2.3: *Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam*

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam.

2.2.1. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam.

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT.
- Chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có...
- Bảng kê bán lẻ hàng hóa.
- Chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng.

❖ Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái TK 511.

❖ Ví dụ minh họa:

Ví dụ 1: Từ bảng kê cước vận chuyển số 03/12/2017/SS-VP kế toán lập hóa đơn 0015531 ngày 03/12/2017 về việc chuyển cho Công ty cổ phần thiết bị Bưu Điện một lô hàng gồm 05 cont đến Ba Đình, Hà Nội với giá 22.250.000 (chưa bao gồm VAT). Khách hàng chưa thanh toán.

- Định khoản:

Nợ TK 131: 24.475.000

Có TK 511 : 22.250.000

Có TK 3331: 2.225.000

Biểu 2.1: Bảng kê cước vận chuyển**BẢNG KÊ CƯỚC VẬN CHUYỂN SỐ 3/12/2017/ SS-VP***(Kèm hóa đơn GTGT số 0015531 ngày 03 tháng 12 năm 2017)*

STT	Ngày tháng	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn Giá	Thành tiền
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=6x5</i>
1	03/12/2017	Ba Đình, Hà Nội	Chuyến	1	4.450.000	4.450.000
2	03/12/2017	Ba Đình, Hà Nội	Chuyến	1	4.450.000	4.450.000
3	03/12/2017	Ba Đình, Hà Nội	Chuyến	1	4.450.000	4.450.000
4	03/12/2017	Ba Đình, Hà Nội	Chuyến	1	4.450.000	4.450.000
5	03/12/2017	Ba Đình, Hà Nội	Chuyến	1	4.450.000	4.450.000
Tổng				5		22.250.000
VAT						2.225.000
Tổng cộng						24.475.000

Số tiền bằng chữ: hai mươi bốn triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam)

- Căn cứ vào bảng kê (Biểu 2.1) kế toán lập HĐ 0015531 (Biểu số 2.2).

Biểu 2.2: Hóa đơn GTGT số 0015531

<p>HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG <i>Liên 3: Nội bộ</i> Ngày 03 tháng 12 năm 2017</p>			<p>Mẫu số: 01 GTKT3/001 Ký hiệu: AA/16P Số: 0015531</p>		
<p>Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam Mã số thuế: 0102672924 Địa chỉ: Số 54 Phan Kế Bính, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội Điện thoại: Số tài khoản: 1902076988898.....</p>					
<p>Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: ..Công ty cổ phần thiết bị Bưu Điện Mã số thuế: 0100686865..... Địa chỉ: Số 61 Trần Phú, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội Hình thức thanh toán:.....; Số tài khoản:..... 102010000000521.....</p>					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
01	Cước vận chuyển hàng hóa từ Hải Phòng lên Hà Nội (theo bảng kê 3/12/2017)	cont		4.450.000	22.250.000
Cộng tiền hàng:					22.250.000
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 2.225.000
Tổng cộng tiền thanh toán					24.475.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi bốn triệu bốn trăm bảy lăm nghìn đồng chẵn..					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra , đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					
(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam)					

Ví dụ 2: Ngày 10/12/2017 vận chuyển hàng cho Công ty TNHH đầu tư thương mại và xuất nhập khẩu Phan Nguyên đã thu bằng chuyển khoản, số tiền 16.500.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT 10%), theo hóa đơn GTGT số 0015600 (Biểu 2.3).

- Định khoản:

Nợ TK 112: 16.500.000

Có TK 511 : 15.000.000

Có TK 3331: 1.500.000

Biểu 2.3: Hóa đơn GTGT số 0015600

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/16P		
<i>Liên 3: Nội bộ</i>			Số: 0015600		
Ngày 10 tháng 12 năm 2017					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam Mã số thuế: 0102672924 Địa chỉ: Số 54 Phan Kế Bính, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội Điện thoại: Số tài khoản: 1902076988898					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty TNHH đầu tư thương mại và xuất nhập khẩu Phan Nguyên Mã số thuế: : 0106913401..... Địa chỉ: Số 61 Trần Phú, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội Hình thức thanh toán:.....; Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
01	Tiền vận chuyển	cont	10	1.500.000	15.000.000
Cộng tiền hàng:					15.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			1.500.000
Tổng cộng tiền thanh toán					16.500.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng chẵn ..					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					
(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam)					

Biểu 2.4 : Giấy báo có ngân hàng ACB

Ngân hàng Á Châu

GIẤY BÁO CÓ

Mã GDV 44048

Chi nhánh: ACB Hải Phòng

Ngày: 10/12/2017

Mã KH

Số GD: 0101105

Kính gửi: Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam

Mã số thuế: 0102672924

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi có tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi có: **19020769888898**

Số tiền bằng số: 16.500.000

Số tiền bằng chữ: *Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.*

Nội dung: Phí dịch vụ

Giao dịch viên**Kiểm soát**

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam)

Ví dụ 3. Ngày 15/12, vận chuyển hàng cho Công ty TNHH sản xuất dịch vụ và thương mại Huy Hoàng thu bằng tiền mặt số tiền 13.860.000 đồng (gồm VAT 10%), theo hóa đơn GTGT số 0015690.

- Định khoản:

Nợ TK 111: 13.860.000

Có TK 511 : 12.600.000

Có TK 3331: 1.260.000

Biểu số 2.5: Hóa đơn GTGT số 0015690

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/16P			
<i>Liên 3: Nội bộ</i>		Số: 0015690			
Ngày 15 tháng 12 năm 2017					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam Mã số thuế: 0102672924 Địa chỉ: Số 54 Phan Kế Bính, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội Điện thoại: Số tài khoản: 1902076988898					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty TNHH sản xuất dịch vụ và thương mại Huy Hoàng Mã số thuế: : 0101474165..... Địa chỉ: Thôn Gia Quất, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội Hình thức thanh toán:.....; Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
01	Tiền vận chuyển	cont	10	1.260.000	12.600.000
Cộng tiền hàng:					12.600.000
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 1.260.000
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN					13.860.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười ba triệu tám trăm sáu mươi nghìn.....					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra , đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					
(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam)					

- Căn cứ vào HD 0015690 kế toán lập phiếu thu số 15/12 (Biểu số 2.6).

Biểu số 2.6: Phiếu thu số 15/12

**Công ty TNHH Tiếp
Vận Mercury Việt Nam**

PHIẾU THU

Mẫu số: 01-TT

Số PT15/12

(Ban hành theo TT 200/2014-
BTC ngày 22/12/2014 của Bộ
Tài Chính)

Ngày 15 tháng 12 năm
2017

Địa chỉ: Số 54 Phan Kế
Bính, Phường Công Vị,
Quận Ba Đình, Hà Nội

Nợ TK 111: 13.860.000
Có TK 511 : 12.600.000
Có TK 3331: 1.260.000

Họ tên người nộp tiền: Nguyễn Văn Lý

Địa chỉ: Công ty TNHH sản xuất dịch vụ và thương mại Huy Hoàng

Lý do nộp: Trả tiền vận chuyển hàng

Số tiền: **13.860.000**

(Viết bằng chữ: Mười ba triệu tám trăm sáu mươi đồng chẵn)

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 12 năm 2017

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ): Mười ba triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn.

+ *Tỷ giá ngoại tệ*: (vàng, bạc, đá, quý):

+ *Số tiền quy đổi*:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam)

- Căn cứ vào HĐ 0015531, HĐ 0015600, HĐ 0015690, PT15/12 kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.7).

Biểu số 2.7: Sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam

Số 54 Phan Kế Bính, Phường Công Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội

Mẫu số S03a - DN

(Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
03/12	HĐ 0015531	03/12	Cước vận chuyển cho công ty Bưu Điện ...	131	24.475.000	
				511		22.250.000
				3331		2.225.000
10/12	HĐ 0015600 BC 0101105	10/12	Cước vận chuyển cho Công ty Phan Nguyên ...	112	16.500.000	
				511		15.000.000
				3331		1.500.000
15/12	HĐ 0015690 PT 15/12	15/12	Cước vận chuyển cho Công ty Huy Hoàng	111	13.860.000	
				511		12.600.000
				3331		1.260.000
...
			Cộng phát sinh		187.678.980.234	187.678.980.234

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam)

- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.7) kế toán tiến hành lập sổ cái TK 511 (Biểu số 2.8).

BIỂU 2.8: SỔ CÁI TK 511

Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam

Số 54 Phan Kế Bính, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội

Mẫu số S03b - DN

(Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
03/12	HĐ 0015531	3/12	Cước vận chuyển cho công ty Bưu Điện ...	131		22.250.000
10/12	HĐ 0015600	10/12	Phí dịch vụ vận chuyển cho Công ty Phan Nguyên ...	112		15.000.000
15/12	HĐ 0015690	15/12	Phí vận chuyển cho Công ty Huy Hoàng	111		12.600.000
...
			Cộng phát sinh		30.793.625.920	30.793.625.920

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam)

2.2.1.2. *Kế toán giá vốn hàng bán*

- ❖ Chứng từ sử dụng
 - Phiếu xuất kho
 - Bảng kê chi phí
 - Phiếu kế toán
 - Các chứng từ khác có liên quan.
- ❖ Tài khoản sử dụng
 - TK 632: giá vốn hàng bán
- ❖ Sổ sách kế toán sử dụng
 - Sổ Nhật ký chung
 - Sổ cái TK 632

- Căn cứ vào sổ cái TK 621, 622, 627, kế toán lập phiếu kế toán số 28 (Biểu số 2.9) ngày 31/12/2017 để kết chuyển chi phí sản xuất sang TK 154.

Biểu 2.9: Phiếu kế toán

Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam				
Số 54 Phan Kế Bình, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Số 28				
STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp	154	621	10.743.529.180
2.	Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp	154	622	2.660.843.844
3	Kết chuyển chi phí sản xuất chung	154	627	9.454.817.334
	Cộng			22.859.190.358
Ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Người lập			Kế toán trưởng	
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>			<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam)

- Căn cứ vào sổ cái TK 154, kế toán lập phiếu kế toán số 29 (Biểu số 2.10) để kết chuyển chi phí sản xuất sang TK 632.

Biểu 2.10: Phiếu kế toán

Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam				
Số 54 Phan Kế Bình, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Số 29				
STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí sản xuất	632	154	22.859.190.358
	Cộng			22.859.190.358
Ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Người lập			Kế toán trưởng	
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>			<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam)

- Căn cứ vào phiếu kế toán số 29 (Biểu số 2.10) kế toán ghi vào Nhật ký chung (Biểu số 2.11) .

Biểu số 2.11: Sổ Nhật ký chung**Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam**

Số 54 Phan Kế Bính, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội

Mẫu số S03a - DN

(Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
31/12	PKT 28	31/12	Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp	154	11.743.529.180	
				621		11.743.529.180
31/12	PKT 28	31/12	Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp	154	5.660.843.844	
				622		5.660.843.844
31/12	PKT 28	31/12	Kết chuyển chi phí sản xuất chung	154	9.454.817.334	
				627		9.454.817.334
31/12	PKT 29	31/12	Kết chuyển chi phí sản xuất sang giá vốn hàng bán	632	22.859.190.358	
				154		22.859.190.358
			Cộng phát sinh		187.678.980.234	187.678.980.234

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam)

- Căn cứ Nhật ký chung (Biểu số 2.11), kế toán ghi sổ cái TK 632 (Biểu số 2.12).

Biểu 2.12: Sổ cái TK 632

Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam

Số 54 Phan Kế Bính, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội

Mẫu số S03b - DN

(Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SĐĐK			
			Số phát sinh trong kỳ			
31/12	PKT 29	31/12	Giá vốn	154	22.859.190.358	
31/12	PKT 31	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		22.859.190.358
			Cộng phát sinh		22.859.190.358	22.859.190.358
			SDCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam)

2.2.1.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

- ❖ Chứng từ sử dụng
 - Bảng phân bổ chi phí trả trước.
 - Phiếu chi, giấy báo nợ, hóa đơn GTGT.
 - Các chứng từ khác có liên quan,...
- ❖ Tài khoản sử dụng
 - TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.
- ❖ Sổ sách kế toán
 - Sổ Nhật ký chung.
 - Sổ cái TK 642.
- ❖ Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 15/12 Công ty thanh toán tiền nước uống tinh khiết quý 3/2017 theo HĐ 0023542 bằng tiền mặt cho công ty cổ phần cấp nước Hà Nội. Gồm 72 bình 19 lít đơn giá 27.272đ/ bình (chưa VAT).

 - Định khoản

Nợ TK 642:	1.963.636
Nợ TK 133:	196.364
Có TK 111:	2.160.000

Biểu 2.13: Hóa đơn GTGT số 0023542

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT3/002		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: GT/17P		
<i>Liên 2: Giao khách hàng</i>			Số: 0023542		
Ngày 15 tháng 12 năm 2017					
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần cấp nước Hà Nội					
Mã số thuế:					
Địa chỉ: Số 1, tổ 1, Phố Phúc Xá - Phường Phúc Xá - Quận Ba Đình - Hà Nội					
Điện thoại:					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam					
Mã số thuế: : 0102672924.....					
Địa chỉ: Số 54 Phan Kế Bính, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội					
Hình thức thanh toán:.....; Số tài khoản:... 19020769888898					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
01	Nước uống tinh khiết quý 3/2017	Bình	72	27.272	1.963.636
Cộng tiền hàng:					1.936.636
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 196.364
Tổng cộng tiền thanh toán					2.160.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn.....					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra , đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					
(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam)					

- Căn cứ vào HĐ 0023542 (Biểu số 2.13) kế toán tiến hành lập phiếu chi số 17/12 (Biểu số 2.14).

Biểu số 2.14: Phiếu chi số 17/12

Công ty TNHH Tiếp vận Mercury Việt Nam	PHIẾU CHI	Mẫu số: 02-TT
	Ngày 15 tháng 12 năm 2017	(Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)
Địa chỉ: Số 54 Phan Kế Bính, Phường Công Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội	Số PC17/12	
		Nợ TK 642: 1.963.636
		Nợ TK 133: 196.364
		Có TK 111:

2.160.000

Họ tên người nhận tiền: Hoàng Thị Chi

Địa chỉ: Công ty Cổ phần cấp nước Hà Nội

Lý do: Trả tiền nước quý 3

Số tiền: **2.160.000***(Viết bằng chữ: Hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn)*

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 12 năm 2017

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

*Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ): Mười triệu một trăm nghìn đồng chẵn.**+ Tỷ giá ngoại tệ: (vàng, bạc, đá, quý):**+ Số tiền quy đổi:*

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam)

Ví dụ 2: Ngày 15/12 Công ty mua vật tư văn phòng sử dụng cho tháng 12 theo HĐ 0052322

Nợ TK 642:	2.248.000
Nợ TK 133:	224.800
Có TK 111:	2.472.800

Biểu 2.15: Hóa đơn GTGT số 0052322

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT3/002		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: GT/17P		
<i>Liên 2: Giao khách hàng</i>			Số: 0052322		
Ngày 15 tháng 12 năm 2017					
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần văn phòng phẩm Hồng Hà					
Mã số thuế:					
Địa chỉ: 42 Lý Thường Kiệt					
Điện thoại:					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam					
Mã số thuế: : 0102672924.....					
Địa chỉ: Số 54 Phan Kế Bính, Phường Công Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội					
Hình thức thanh toán:....; Số tài khoản:... 19020769888898					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
01	Giấy A4 Double A	Thùng	5	300.000	1.500.000
02	Túi clear bag	Chiếc	150	2.000	300.000
03	Giấy A5 Double A	Thùng	4	112.000	448.000
Cộng tiền hàng:					2.248.000
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 224.800
Tổng cộng tiền thanh toán					2.472.800
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu bốn trăm bảy hai nghìn tám trăm đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra , đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					
(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam)					

- Căn cứ vào HĐ 0052322 (Biểu số 2.15) kế toán tiên hành lập phiếu chi số 18/12 (Biểu số 2.16).

Biểu số 2.16: Phiếu chi số 18/12

**Công ty TNHH Tiếp vận
Mercury Việt Nam**

PHIẾU CHI

Mẫu số: 02-TT

Ngày 15 tháng 12 năm 2017

(Ban hành theo TT 200/2014-
BTC ngày 22/12/2014 của Bộ
Tài Chính)

Địa chỉ: Số 54 Phan Kế Bính,
Phường Công Vị, Quận Ba
Đình, Hà Nội

Số PC18/12

Nợ TK 642: 2.248.000
Nợ TK 133: 224.800
Có TK 111: 2.472.800

Họ tên người nhận tiền: Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam

Địa chỉ: Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam

Lý do: Mua văn phòng phẩm tháng 12

Số tiền: **2.472.800**

(Viết bằng chữ: Hai triệu bốn trăm bảy hai nghìn tám trăm đồng chẵn)

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 12 năm 2017

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ): Mười triệu một trăm nghìn đồng chẵn.

+ *Tỷ giá ngoại tệ:* (vàng, bạc, đá, quý):

+ *Số tiền quy đổi:*

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam)

-- Căn cứ vào HĐ 0052322 (Biểu số 2.15) và phiếu chi số 18/12 (Biểu số 2.16) kế toán tiến hành lập sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.17).

Biểu 2.17: Sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam
Số 54 Phan Kế Bính, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
15/12	HĐ 0023542	15/12	Thanh toán tiền nước uống tinh khiết quý 3	642	1.963.636	
				133	196.364	
	PC 17/12			111		2.160.000
15/12	HĐ 0052322	15/12	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm tháng 12	642	2.248.000	
				133	224.800	
	PC 18/12			111		2.472.800
...
			Cộng phát sinh		187.678.980.234	187.678.980.234

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam)

- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.17) kế toán tiến hành lập sổ cái TK 642 (Biểu số 2.18).

Biểu số 2.18: Sổ Cái TK 642**Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam**

Số 54 Phan Kế Bính, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội

Mẫu số S03b - DN

(Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SĐĐK			
			...			
15/12	HĐ 0023542 PC 17/12	15/12	Thanh toán tiền nước uống tinh khiết quý 3/2017	111	1.963.636	
15/12	HĐ 0052322 PC 18/12	15/12	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm tháng 12	111	2.248.000	
		
			Cộng chuyển sang trang			
			Cộng phát sinh		2.454.232.740	2.454.232.740

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam)

2.2.2. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam.

- ❖ Chứng từ sử dụng
 - Giấy báo có, giấy báo nợ.
 - Phiếu thu, phiếu chi.
 - Các chứng từ khác có liên quan...
- ❖ Tài khoản sử dụng
 - Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.
 - Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính.
- ❖ Sổ sách kế toán
 - Sổ Nhật ký chung
 - Sổ cái TK 515, 635.
- ❖ Ví dụ minh họa:

Ví dụ 1: Ngày 31/12/2017 Công ty nhận được thông báo về số tiền lãi nhập gốc tháng 12 từ ngân hàng, số tiền là 1.426.500.

- Định khoản:

Nợ TK 112: 1.426.500

Có TK 515: 1.426.500

Biểu 2.19: Giấy báo có ngân hàng ACB

Ngân hàng Á Châu

GIẤY BÁO CÓ

Mã GDV 44048

Chi nhánh: ACB Hải Phòng

Ngày: 31/12/2017

Mã KH

Số GD: 0101255

Kính gửi: Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam

Mã số thuế: 0102672924

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi có tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi có: **19020769888898**

Số tiền bằng số: 1.426.500

Số tiền bằng chữ: *Một triệu bốn trăm hai sáu nghìn năm trăm đồng chẵn.*

Nội dung: Lãi nhập gốc

Giao dịch viên**Kiểm soát**

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam)

Ví dụ 2: Ngày 20/12/2017, nhận giấy báo nợ trả tiền lãi tháng 12/2017 ngân hàng.

Nợ TK 635: 5.353.543

Có TK 112: 5.353.543

Biểu số 2.20: Giấy báo nợ

Ngan Hang A Chau Chi nhanh: ACB – CN CHUA HA	GIAY BAO NO Ngày: 20/12/2017	Ma GDV: HOANG THU THUY Ma KH: 4500 So GD: 13
Kính gửi: CTY TNHH Tjep Van Mercury Viet Nam Ma so thue: 0102672924		
Hom nay, xin bao da ghi NO tai khoan cua quy khách voi noi dung nhu sau: So tai khoan ghi NO: 211137519 So tien bang so: 5.353.543.00 So tien bang chu: Nam trieu ba tram lam ba nghìn lam tram bon ba dong chan. Noi dung: TRA LAI THANG 12		
Giao dich vien		Kiem soat

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Tjep Van Mercury Việt Nam)

- Căn cứ vào giấy báo có (Biểu số 2.19) và giấy báo nợ (Biểu số 2.20) kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.21).

Biểu 2.21: Sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam
Số 54 Phan Kế Bính, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
31/12	GBC 0101255	31/12	Lãi nhập gốc	112	1.426.500	
				515		1.426.500
31/12	GBN 4500	31/12	Trả lãi ngân hàng ...	635	5.353.543	
				112		5.353.543
...
			Cộng chuyển sang trang			
			Cộng phát sinh		187.678.980.234	187.678.980.234

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam)

- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.21) kế toán tiến hành ghi sổ cái TK 515 (Biểu số 2.22).

Biểu 2.22: Sổ cái TK 515

Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam

Số 54 Phan Kế Bính, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội

Mẫu số S03b - DN

(Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SĐĐK			
...
31/12	GBC 0101255	31/12	Lãi nhập gốc	112		1.426.500
31/12	PKT 30	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911		7.265.255
			Cộng SPS		685.915.220	685.915.220
			SDCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam)

- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.21) kế toán tiến hành ghi sổ cái TK 635 (Biểu số 2.23).

Biểu 2.23: Sổ cái TK 635**Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam**

Số 54 Phan Kế Bính, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội

Mẫu số S03b - DN

(Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SĐĐK			
			Số phát sinh trong kỳ			
...
31/12	GBN 4500	31/12	Trả tiền lãi ngân hàng	112	5.353.543	
31/12	PKT 31	31/12	Kết chuyển sang TK 911	911		164.499.172
			Cộng phát sinh		164.499.172	164.499.172

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam)

2.2.3. Kế toán doanh thu và chi phí khác trong Công ty TNHH Tiếp vận Mercury Việt Nam

Trong năm 2017 Công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến tài khoản 811 và 711.

2.2.4. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tiếp vận Mercury Việt Nam

- ❖ Chứng từ sử dụng
 - Phiếu kế toán.
 - Các chứng từ khác có liên quan.
- ❖ Tài khoản sử dụng
 - Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.
 - Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
 - Tài khoản 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
- ❖ Sổ sách kế toán
 - Sổ Nhật ký chung
 - Sổ cái TK 911
 - Sổ cái TK 821
 - Sổ cái TK 421

- Căn cứ vào sổ cái TK 511, 515, kế toán lập phiếu kế toán số 30 (Biểu số 2.24) để kết chuyển doanh thu phục vụ xác định kết quả kinh doanh.

Biểu 2.24: Phiếu kế toán

Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam				
Số 54 Phan Kế Bình, Phường Công Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Số 30				
STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	30.793.625.920
2.	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	685.915.220
	Cộng			31.479.541.140
Ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Người lập (Ký, ghi rõ họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam)

- Căn cứ vào sổ cái TK 632, 635, 642, kế toán lập phiếu kế toán số 31 (Biểu số 2.25) để kết chuyển chi phí phục vụ xác định kết quả kinh doanh.

Biểu 2.25: Phiếu kế toán

Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam Số 54 Phan Kế Bình, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội				
PHIẾU KẾ TOÁN Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Số 31				
STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	22.859.190.358
2	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	164.499.172
3	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	2.454.232.740
	Cộng			25.477.922.270
Ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam)

- Căn cứ vào PKT số 30, 31 kế toán tiến hành lập PKT số 32 (Biểu số 2.26) để xác định thuế TNDN.

Biểu 2.26: Phiếu kế toán

Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam Số 54 Phan Kế Bình, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội				
PHIẾU KẾ TOÁN Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Số 32				
STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Chi phí thuế TNDN	821	3334	1.200.323.774
	Cộng			1.200.323.774
Ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam)

- Căn cứ vào PKT số 30, 31, 32 kế toán tiến hành lập PKT số 33 (Biểu số 2.27) để xác định chi phí thuế TNDN.

Biểu 2.27: Phiếu kế toán

Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam				
Số 54 Phan Kế Bình, Phường Công Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Số 33				
STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	1.200.323.774
	Cộng			1.200.323.774
Ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Người ghi sổ		Kế toán trưởng		Giám đốc
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam)

- Căn cứ vào PKT số 30, 31, 32, 33 kế toán tiên hành lập PKT số 34 (Biểu số 2.28) để xác định lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp.

Biểu 2.28: Phiếu kế toán

Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam				
Số 54 Phan Kế Bình, Phường Công Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Số 34				
STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	4.801.295.096
	Cộng			4.801.295.096
Ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Người ghi sổ		Kế toán trưởng		Giám đốc
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam)

- Căn cứ vào PKT số 30, 31, 32, 33, 34, kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.29).

Biểu 2.29: Sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam

Số 54 Phan Kế Bính, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội

Mẫu số S03a - DN

(Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
31/12	PKT 30	31/12	K/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	30.793.625.920	
				911		30.793.625.920
31/12	PKT 30	31/12	K/c doanh thu hoạt động tài chính	515	685.915.220	
				911		685.915.220
31/12	PKT 31	31/12	K/c giá vốn hàng bán	911	22.859.190.358	
				632		22.859.190.358
31/12	PKT 31	31/12	K/c chi phí tài chính	911	164.499.172	
				635		164.499.172
31/12	PKT 31	31/12	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp	911	2.454.232.740	
				642		2.454.232.740
31/12	PKT 32	31/12	Chi phí thuế TNDN	821	1.200.323.774	
				3334		1.200.323.774
31/12	PKT 33	31/12	K/c chi phí thuế TNDN	911	1.200.323.774	
				821		1.200.323.774
31/12	PKT 34	31/12	Lợi nhuận sau thuế	911	4.801.295.096	
				421		4.801.295.096
			Cộng phát sinh		187.678.980.234	187.678.980.234

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam)

- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.29) kế toán tiến hành ghi sổ cái 821 (Biểu số 2.30).

Biểu 2.30: Sổ cái TK 821

Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam

Số 54 Phan Kế Bính, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội

Mẫu số S03b - DN

(Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Số hiệu: 821

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SĐĐK			
			Số phát sinh trong kỳ			
31/12	PKT 32	31/12	Xác định thuế TNDN	3334	1.200.323.774	
31/12	PKT 33	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	911		1.200.323.774
			Cộng phát sinh		1.200.323.774	1.200.323.774
			SDCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam)

- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.29) kế toán tiến hành ghi sổ cái 421 (Biểu số 2.31).

Biểu 2.31: Sổ cái TK 421

Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam

Số 54 Phan Kế Bính, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội

Mẫu số S03b - DN

(Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			2.573.400.000
31/12	PKT 34	31/12	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	911		4.801.295.096
			Cộng phát sinh		2.000.000.000	4.801.295.096
			SDCK			5.374.695.096

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam)

- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.29) kế toán tiến hành ghi sổ cái 911 (Biểu số 2.32)

Biểu 2.32: Sổ cái TK 911

Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam

Số 54 Phan Kế Bính, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội

Mẫu số S03b - DN

(Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
31/12	PKT 30	31/12	K/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		30.793.625.920
31/12	PKT 30	31/12	K/c doanh thu hoạt động tài chính	515		685.915.220
31/12	PKT 31	31/12	K/c giá vốn hàng bán	632	22.859.190.358	
31/12	PKT 31	31/12	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp	642	2.454.232.740	
31/12	PKT 31	31/12	K/c chi phí tài chính	635	164.499.172	
31/12	PKT 33	31/12	K/c thuế TNDN	821	1.200.323.774	
31/12	PKT 34	31/12	Lợi nhuận sau thuế	421	4.801.295.096	
			Cộng phát sinh		31.479.541.140	31.479.541.140
			SDCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam)

Biểu số 2.33: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017

Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam
Số 54 Phan Kế Bính, Phường Cống Vị, Quận Ba
Đình, Hà Nội

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	30.793.625.920	31.445.059.089
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		30.793.625.920	31.445.059.089
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	22.859.190.358	24.494.712.813
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		7.934.435.562	6.950.346.276
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	685.915.220	517.180.209
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	164.499.172	104.296.284
Trong đó: Chi phí lãi vay	23			104.296.284
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.454.232.740	2.355.550.314
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		6.001.618.870	5.007.679.887
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6.001.618.870	5.007.679.887
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	1.200.323.774	255.653.454
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		4.801.295.096	4.782.026.433
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán trưởng

Giám đốc công ty

(Ký, họ tên)

(Ký, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam)

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TIẾP VẬN MERCURY VIỆT NAM****3.1: Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam****3.1.1: Ưu điểm**

- Phần điều hành kế toán do cán bộ kế toán thực hiện chặt chẽ, thường xuyên có sự theo dõi, đảm bảo nhất quán giữa các bộ phận.

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức gọn nhẹ tương đối phù hợp với yêu cầu công việc và trình độ chuyên môn, năng lực của từng người, luôn đổi mới và áp dụng những sang kiến trong công việc đảm bảo hiệu quả kịp thời, phù hợp và đáp ứng điều kiện cụ thể của công ty.

- Đội ngũ kế toán nhiệt tình, yêu nghề, ghi chép hạch toán chứng từ sổ sách gọn gàng, khoa học, đảm bảo nguyên tắc chế độ nhà nước, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả hoạt động kinh doanh là công tác chủ yếu của công ty luôn được thực hiện và theo dõi một cách chặt chẽ, đầy đủ, chính xác.

- Hệ thống tài khoản sổ sách, biểu mẫu được mở phù hợp với quy định hiện hành.

- Công ty đã lập, luân chuyển và lưu trữ chứng từ thực hiện đúng theo chế độ kế toán quy định nhằm phục vụ công tác hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

3.1.2: Hạn chế

- Công ty chưa sử dụng phần mềm cho công tác kế toán giúp cho việc xử lý số liệu, dữ liệu vẫn còn hạn chế.

- Hệ thống sổ sách để xác định doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh chưa được hoàn thiện.

3.2: Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Nước ta đang trong quá trình đổi mới, quá trình cạnh tranh càng khốc liệt, bất kể doanh nghiệp nào cũng mong muốn tìm kiếm lợi nhuận cao nhất. Các nhà quản lý phải sang suốt hơn trong việc lựa chọn các quyết định kinh doanh, và kế toán là một công cụ không thể thiếu trong việc đưa ra các quyết định kinh tế tài chính, nhất là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trước tiên là vì lợi ích và hiệu quả của chính bản thân doanh nghiệp. Sau đó là vì lợi ích và hiệu quả quản lý của nhà nước.

Trong công tác hạch toán kế toán tại doanh nghiệp, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phần hành kế toán kế thừa nhiều kết quả của các phần hành kế toán khác, do đó việc hoàn thiện nó phải mang tính toàn diện, tổng thể. Việc hoàn thiện này có ý nghĩa rất lớn. Đối với công tác kế toán thì hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh góp phần nâng cao tính hài hòa, chặt chẽ giữa các phần hành kế toán trong doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả của công tác kế toán, do đó tiết kiệm được thời gian, chi phí, cũng như nguồn lực con người. Bất kỳ một nhà quản lý nào đều mong muốn có được nguồn thông tin chính xác, kịp thời để đưa ra quyết định chính xác nhất, và nguồn thông tin kế toán luôn được quan tâm hàng đầu, như vậy hoàn thiện kế toán kết quả kinh doanh cũng là tăng cường hiệu quả quản lý, tăng hiệu quả kinh doanh.

Vì vậy, hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp là một tất yếu khách quan đòi hỏi doanh nghiệp luôn có ý thức trong việc tìm ra các giải pháp hoàn thiện tích cực phù hợp với sự biến động của nền kinh tế thị trường.

3.3: Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Để bộ máy kế toán hoàn thiện hơn thì cần phải đảm bảo những tiêu chí sau:

- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán.

Việc tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế cụ thể được phép vận dụng và cải tiến chứ không bắt buộc hay dập khuôn theo chế độ nhưng phải trong khuôn khổ.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp, phù hợp với tổ chức sản xuất kinh doanh.

- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả.

3.4: Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam

Trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam ngoài những mặt tích cực thì về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn có những mặt hạn chế như đã trình bày ở trên. Vì vậy, em xin đưa ra một số kiến nghị để một phần nào đó hoàn thiện hơn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty như sau:

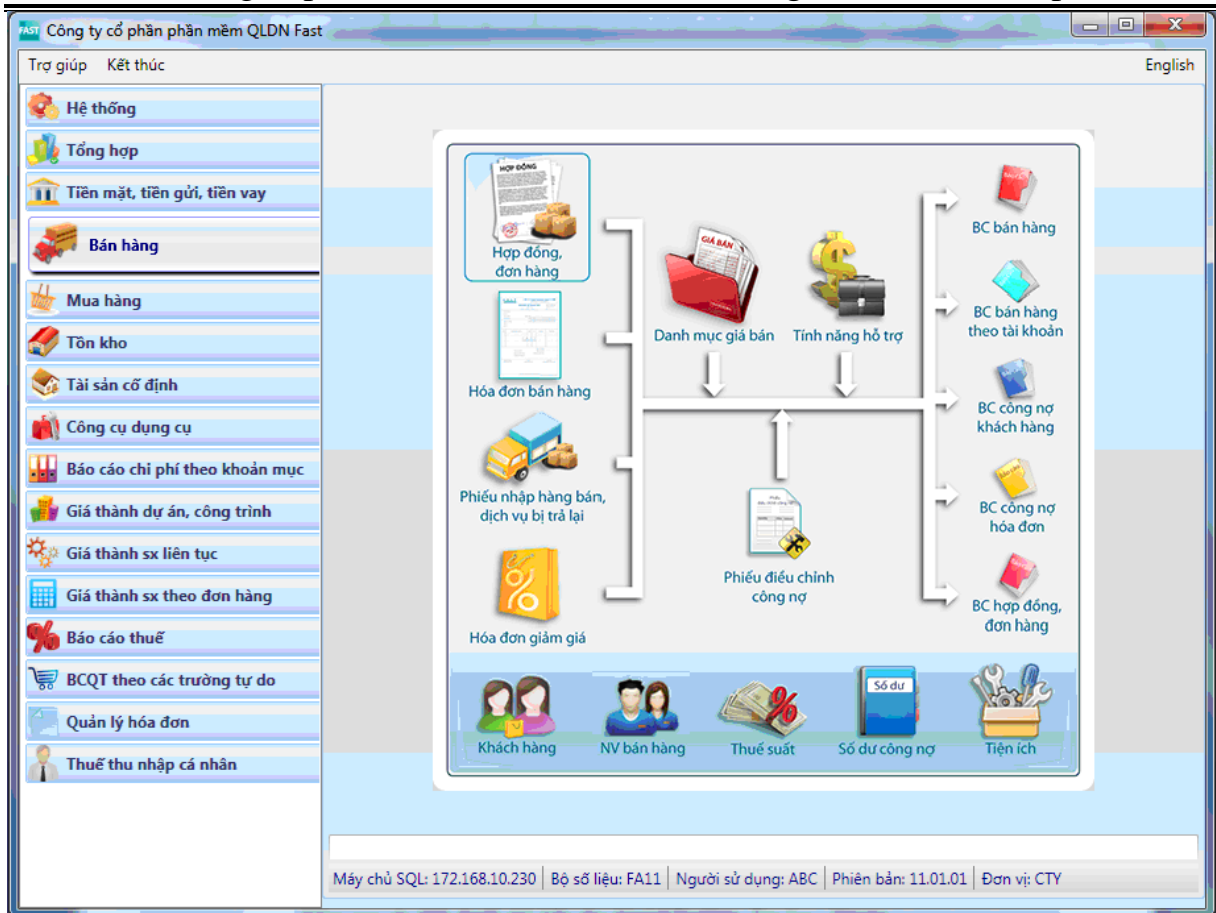
❖ Kiến nghị 1: Sử dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán

- **Lý do kiến nghị:** Hiện nay Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam đang thực hiện kế toán thủ công trên máy tính với excel. Việc này khá vất vả và tốn nhiều thời gian, công sức của kế toán.

- **Mục tiêu của giải pháp:** Áp dụng phần mềm kế toán để tăng hiệu quả công việc, tránh nhầm lẫn, giảm bớt khối lượng công việc cho kế toán.

- **Cách thức tiến hành, giải pháp:** Công ty nên mua một số phần mềm kế toán hiệu quả đang có mặt trên thị trường như Misa, Fast, Smart.

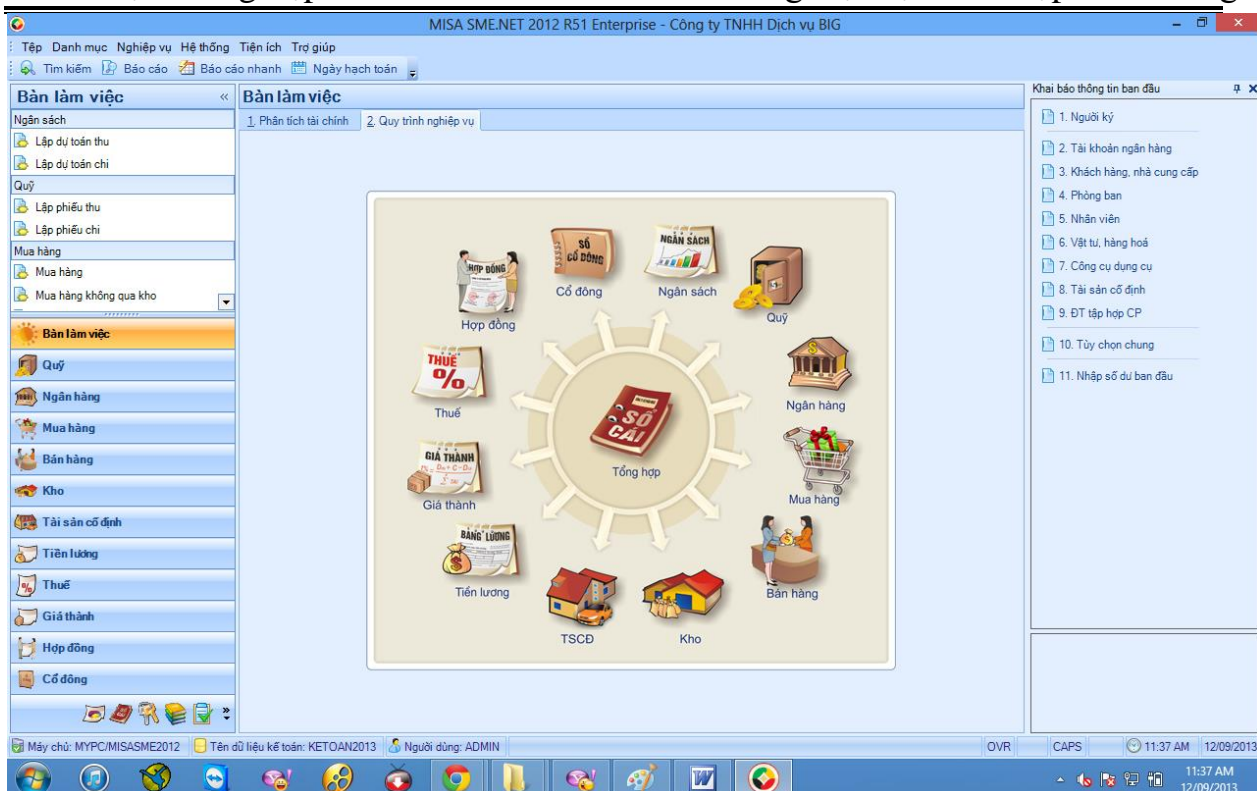
* **Phần mềm kế toán Fast Accounting:** <http://www.fast.com.vn>



Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 13.000 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như Sao Khuê, BIT CUP, sản phẩm được nhiều người sử dụng, CUP CNTT...

Fast Accounting với 4 phiên bản đáp ứng cho các loại hình doanh nghiệp: dịch vụ, thương mại, xây lắp, sản xuất. Phần mềm này được phát triển trên công nghệ của Microsoft, ngôn ngữ lập trình là C#.NET, cơ sở dữ liệu là SQL Server, có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet.

***Phần mềm kế toán MISA :** <http://www.misa.com.vn/>



MISA SME.NET 2017 là phần mềm luôn được cải tiến cho phù hợp với chế độ kế toán của các doanh nghiệp, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán. MISA SME.NET 2017 phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại; Dịch vụ; Sản xuất.

Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế. Kết nối với dịch vụ kê khai thuế qua mạng MTAX.VN để nộp báo cáo trực tiếp đến cơ quan Thuế.

❖ Kiến nghị 2: Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán

- **Lý do kiến nghị:** Kế toán tại công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam chưa mở sổ chi tiết bán hàng và sổ chi tiết sản xuất kinh doanh.
- **Mục tiêu của giải pháp:** Tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp của từng loại dịch vụ giúp cho các nhà quản lý doanh nghiệp quyết định xem có nên mở rộng kinh doanh hoạt động nào, thu hẹp hay ngừng kinh doanh hoạt động nào.
- **Cách thức tiến hành:**

Biểu 3.1: Mẫu sổ chi tiết bán hàng.

Đơn vị:

Mẫu số S35-DN

Địa chỉ:

Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):...

Năm:...

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5211, 5212,5213)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Cộng số phát sinh						
			- Doanh thu thuần						
			- Giá vốn hàng bán						
			- Lãi gộp						

- Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Ngày ... tháng ... năm...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.2: Mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh.

Đơn vị :

Mẫu số S36-DN

Địa chỉ :

(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ -
BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK: 154,631,632,641,642,242...)

- Tài khoản:
- Tên phân xưởng:
- Tên sản phẩm, dịch vụ:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ tài khoản..				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
					
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
								
			Cộng số phát sinh trong kỳ						
			Ghi Có TK...						
			Số dư cuối kỳ						

Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Ngày ... tháng ... năm...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

❖ Kiến nghị 3: Phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng mặt hàng

- **Lý do kiến nghị:** Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam chưa phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng mặt hàng.

- **Mục tiêu của giải pháp:** Tính theo tiêu thức doanh thu thuần

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí bán hàng} \\ \text{(chi phí quản lý} \\ \text{doang nghiệp) phân} \\ \text{bổ cho mặt hàng } i \end{array} = \frac{\text{Tổng chi phí bán hàng(chi phí quản lý} \\ \text{doang nghiệp)}}{\text{Tổng doanh thu thuần của tất cả các mặt} \\ \text{hàng}} \times \begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần của} \\ \text{mặt hàng } i \end{array}$$

- **Hiệu quả giải pháp:** Xác định kết quả kinh doanh của từng mặt hàng đã được theo dõi chi tiết doanh thu và giá vốn.

3.5: Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam.

3.5.1: Về phía Nhà nước

- Có chính sách hỗ trợ để khuyến khích các doanh nghiệp hoàn thiện và phát triển tổ chức kế toán.

- Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng.

3.5.2: Về phía doanh nghiệp

- Ban lãnh đạo doanh nghiệp cần kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ công tác kế toán. Bên cạnh đó đội ngũ cán bộ kế toán phải là người có trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp.

- Công ty phải có khả năng tài chính và phải đầu tư trang thiết bị, máy móc, khoa học công nghệ phục vụ cho công tác kế toán.

- Doanh nghiệp cần tạo lập mối quan hệ bền vững với khách hàng. Đây là yếu tố quyết định việc bình ổn doanh thu trong doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh có vị trí rất quan trọng trong công tác kế toán của doanh nghiệp. Việc xác định, phản ánh kịp thời, chính xác, chi tiết, cụ thể doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp cho nhà quản trị nắm được tình hình tài chính của công ty và đưa ra được những phương hướng phát triển đúng đắn trong doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam em đã vận dụng kiến thức được học ở trường vào thực tế sản xuất kinh doanh tại Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam.

Bài viết đã đưa ra được một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam như sau:

- Kiến nghị về việc hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Kiến nghị về việc sử dụng phần mềm kế toán.
- Kiến nghị về phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng mặt hàng

Với sự cố gắng của bản thân cùng sự hướng dẫn của Thầy Nguyễn Đức Kiên, và sự chỉ bảo, giúp đỡ nhiệt tình của các anh chị phòng kế toán – tài chính Công Ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam để em hoàn thành đề tài tốt nghiệp này. Mặc dù đã có cố gắng nhưng do trải nghiệm thực tế và kiến thức chuyên môn còn hạn chế nên em không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Vì vậy e mong rằng sẽ được sự chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh để đề tài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Thầy Nguyễn Đức Kiên và phòng kế toán Công ty TNHH Tiếp Vận Mercury Việt Nam đã giúp em để hoàn thành bài khóa luận.

Em xin chân thành cảm ơn!

Ngày 30 tháng 8 năm 2018

Sinh viên

Hoàng Thị Ngọc

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài Chính (năm 2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp* (quyển 1) – *Hệ thống tài khoản kế toán*, NXB Giao thông vận tải.
2. Bộ Tài Chính (năm 2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp* (quyển 2) – *Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ sách kế toán, sơ đồ kế toán*, NXB Giao thông vận tải.
3. TS. Phan Đức Dũng (năm 2006), *Kế toán tài chính*, NXB Thống kê.
4. TS. Phan Đức Dũng (năm 2011), *Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động và xã hội.